

Số: 1496/BC-BKHDT

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2024

## **BÁO CÁO**

**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Nghị định  
quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã**  
(gửi Bộ Tư pháp để thẩm định hồ sơ Dự thảo Nghị định)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 5; theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là VBQPPL) có liên quan đến nội dung Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã (số 17/2023/QH15) và xin báo cáo kết quả rà soát như sau:

### **1. Chương I về Những quy định chung**

- Điều 1 Phạm vi điều chỉnh và Điều 2 Đối tượng áp dụng: Đã cụ thể hóa đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Nghị định hướng dẫn các điều khoản được giao tại Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 (sau đây viết tắt là Luật HTX năm 2023).

- Điều 3 về Giải thích từ ngữ: Làm rõ các từ ngữ được hiểu trong nội dung của Nghị định. Nội dung các thuật ngữ được xây dựng dựa trên cơ sở rà soát các quy định của Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, Luật Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ quy định công trình hạ tầng kỹ thuật, qua đó phù hợp và không gây chồng chéo, mâu thuẫn.

## **2. Chương II về Phân loại HTX**

- Điều 4 quy định về lĩnh vực và tiêu chí phân loại HTX, Điều 5 quy định về phân loại quy mô HTX của Nghị định (quy định chi tiết Điều 16 Luật HTX năm 2023) tác động đến Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX và Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Quy định phân loại HTX trong Nghị định sẽ thay thế hai Thông tư này, giúp việc phân loại HTX không chồng chéo giữa các quy định và không phát sinh thủ tục hành chính.

- Lĩnh vực hoạt động của HTX được xác định theo ngành nghề kinh doanh chính mà HTX đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh phù hợp với Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, phù hợp với quy định về ngành nghề kinh doanh chính theo quy định về đăng ký kinh doanh đối với HTX và quy định về thuế tại Mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Kinh doanh bảo hiểm. Như vậy, việc phân loại HTX trong Nghị định không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

## **3. Chương III, Chính sách của nhà nước về phát triển THT, HTX, liên hiệp HTX tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17 dự thảo Nghị định.**

- Điều 6 Tiêu chí thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước phù hợp với các quy định hiện hành không phát sinh thủ tục hành chính và cụ thể hóa các quy định tại Luật HTX năm 2023 (Điều 18, Điều 84 Luật HTX). Các tiêu chí HTX, liên hiệp HTX cần đáp ứng để được thụ hưởng chính sách tại dự thảo Nghị định đã được rà soát phù hợp với quy định tại Điều 18 Luật HTX.

- Điều 7 chính sách phát triển nguồn nhân lực (Điều 20 Luật HTX), phù hợp với định hướng về Chính sách phát triển nguồn nhân lực trong Nghị quyết 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 16/6/2022 và các chính sách hỗ trợ được quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025.

- Điều 8 Chính sách hỗ trợ thông tin (Điều 20 Luật HTX) phù hợp với các quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm

2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Điều 9 Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn (Điều 20 Luật HTX) điểm mới được đưa vào nội dung hỗ trợ phù hợp với nhu cầu phát triển triển của khu vực kinh tế tập thể, nội dung và mức hỗ trợ được áp dụng tương đương với quy định tại khoản 2 Điều 13 và Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để bảo đảm bình đẳng giữa các tổ chức.

- Điều 10, Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình HTX, liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả, phù hợp với Luật Hợp tác xã và tình hình phát triển của HTX trong từng thời kỳ, nhằm xác định mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển cho khu vực KTTT, HTX, Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 03 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2030 Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025.

- Điều 11 Chính sách ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Điều 24 Luật HTX) không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định hiện hành. Phù hợp với các quy định tại Điều 45, 47 của Luật Khoa học và Công nghệ; khoản 4 Điều 3 Luật Chuyển giao công nghệ, Điều 8, 10, 12, 21, 24, 28 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; Nghị định số 23/2014/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia; Nghị định số 19/2021/NĐ-CP sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP.

- Điều 12, Chính sách tiếp cận và nghiên cứu thị trường (Điều 25 Luật HTX); Điều 16, Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (Điều 28 Luật HTX) quy định phù hợp với các quy định hỗ trợ tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025.

- Điều 13 Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị (Điều 26 Luật HTX) phù hợp với các quy định hỗ trợ tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công về quy trình đề xuất, tổng hợp, lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định và giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, phương thức thực hiện hỗ trợ và cơ chế quản lý sau đầu tư.

- Điều 14 Chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước phù hợp với quy định khoản 8 Điều 40, khoản 5 Điều 75 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Điều 15, Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro (Điều 27 Luật HTX) quy định những nội dung kiểm toán đặc thù đối với HTX không trái và không mâu thuẫn với Luật Kiểm toán độc lập, Nghị định số 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ: Về đối tượng phải kiểm toán quy định các đối tượng bắt buộc phải kiểm toán đối với tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX muốn nhận được hỗ trợ từ Nhà nước. Theo quy định về kiểm toán hiện hành như doanh nghiệp; kiểm toán nội bộ tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX được Nhà nước khuyến khích thực hiện cho mọi đối tượng; các đối tượng bắt buộc phải kiểm toán của Luật này. Về sử dụng báo cáo kiểm toán mục đích báo cáo kiểm toán để công bố, minh bạch thông tin cho thành viên và cơ quan quản lý nhà nước; căn cứ để Nhà nước xem xét hỗ trợ.

- Điều 17, Quy trình hỗ trợ phù hợp với các quy định hỗ trợ tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025, Luật Đầu tư công, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, khoản 1 Điều 17 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

#### **4. Chương IV, Tài sản, tài chính của HTX, liên hiệp HTX**

- Điều 18, điều kiện thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp của HTX, liên hiệp HTX (Điều 81, 82 Luật HTX), việc quy định rõ các HTX, liên hiệp HTX được quyền góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp kế thừa quy định này tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, không mâu thuẫn với quy định tại khoản 2 Điều 74 Bộ luật Dân sự và quy định tại Luật Doanh nghiệp – không cấm các HTX, liên hiệp HTX được góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp.

- Điều 19, điều kiện hoạt động cho vay nội bộ trong HTX, liên hiệp HTX (Điều 83 Luật HTX) Luật cho phép các tổ chức kinh tế tập thể có tư cách pháp nhân có quyền hoạt động cho vay nội bộ và khẳng định hoạt động này không phải là hoạt động ngân hàng theo Luật Các tổ chức tín dụng là thể chế hóa chủ trương

được đưa ra trong Nghị quyết 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 16/6/2022 vừa qua và không trái với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 611, Điều 622 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điều 20, giao dịch nội bộ và thu nhập từ giao dịch nội bộ của HTX, liên hiệp HTX (Điều 85 Luật HTX), kế thừa Luật HTX năm 2012 và phù hợp với tiêu chí bản chất phục vụ thành viên của HTX, liên hiệp HTX. Việc quy định rõ nội dung này để HTX, liên hiệp HTX phải hạch toán, kế toán riêng giao dịch bên trong và giao dịch bên ngoài là cơ sở để tính thuế, thực hiện các chính sách cho HTX, liên hiệp HTX và không mâu thuẫn với các quy định tại Luật Kế toán và chế độ kế toán cho HTX cũng sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu, sửa đổi và ban hành trong thời gian tới để thực hiện đồng bộ với Luật HTX năm 2023.

- Điều 21, Xử lý tài sản chung không chia theo nguồn hình thành khi HTX, liên hiệp HTX giải thể, phá sản (Điều 99, 101, 102 Luật HTX năm 2023), phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014, Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

## **5. Chương V. Tổ chức thực hiện**

Điều 22, trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ; Điều 23, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với quy định chức năng nhiệm vụ của Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ (Khoản 10 Điều 34 Luật Tổ chức Chính phủ đã quy định về trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Khoản 10 Điều 22 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Khoản 8 Điều 29 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp huyện), Khoản 3,4 Điều 112 Luật HTX và phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

## **6. Chương VI, Điều khoản thi hành**

Nghị định này được ban hành bãi bỏ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HHTX năm 2012; bãi bỏ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm



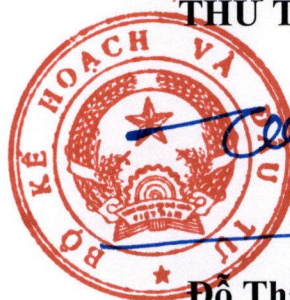
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết một số điều của Luật HTX năm 2012; bãi bỏ các điều khoản sau: khoản 1 và 3 Điều 3, Điều 4, khoản 6 Điều 29 của Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác; sửa đổi một số điều, khoản tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 về tổ hợp tác.

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật HTX./. ƯSP

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (*để báo cáo*);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KHĐT: Lãnh đạo Bộ (*để báo cáo*)  
Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ (*để phối hợp*);
- Lưu VT, KTHT(Ig).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Thành Trung**

**Phụ lục**  
**BẢN RÀ SOÁT, ĐỐI CHIẾU NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU**  
**CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ**

TT	Nội dung	Dự thảo Nghị định	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá
1	Chương I Những quy định chung	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>  Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã về:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phân loại quy mô hợp tác xã;</li> <li>2. Tiêu chí lựa chọn, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, nguồn vốn thực hiện chính sách và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và đối tượng có liên quan;</li> <li>3. Điều kiện thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>4. Hoạt động cho vay nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>5. Giao dịch nội bộ và thu nhập từ giao dịch nội bộ;</li> <li>6. Xử lý tài sản khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản.</li> </ol> <p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>2. Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</li> <li>3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</li> </ol>	<p>Tại Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hợp tác xã.</p> <p>Nghị định hướng dẫn các Điều (Điều 16, Điều 18, Điều 20, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 85, Điều 99, Điều 101, Điều 107 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 06 năm 2023).</p> <p>Đối tượng áp dụng của Nghị định phù hợp với đối tượng được quy định tại Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 06 năm 2023): Bao gồm.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</li> <li>2. Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</li> <li>3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</li> </ol>	Không có mâu thuẫn

	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Kết cấu hạ tầng là hạ tầng giao thông, hạ tầng cung cấp điện, hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng thương mại, hạ tầng thông tin, hạ tầng giáo dục và đào tạo, hạ tầng khoa học và công nghệ, hạ tầng y tế, hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch, hạ tầng đô thị, hạ tầng cụm công nghiệp và hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trang thiết bị bao gồm máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ. Trong đó, máy móc, thiết bị là một kết cấu hoàn chỉnh, gồm các chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận có liên kết với nhau để vận hành, chuyên động theo mục đích sử dụng được thiết kế; dây chuyền công nghệ là hệ thống các máy móc, thiết bị, công cụ, phương tiện được bố trí lắp đặt, kết nối liên hoàn tại một địa điểm nhất định theo sơ đồ, quy trình công nghệ đã thiết kế, bảo đảm vận hành đồng bộ để sản xuất.</p>	<p><b>Luật Quản lý sử dụng tài sản công</b></p> <p>Khoản 2 Điều 4: 2. Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng là các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình kết cấu hạ tầng xã hội và vùng đất, vùng nước, vùng biển gắn với công trình kết cấu hạ tầng, bao gồm: hạ tầng giao thông, hạ tầng cung cấp điện, hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng đô thị, hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, hạ tầng thương mại, hạ tầng thông tin, hạ tầng giáo dục và đào tạo, hạ tầng khoa học và công nghệ, hạ tầng y tế, hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch và hạ tầng khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng);</p> <p><b>Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025</b></p> <p>Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025</p> <p>Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:</p> <p>1. Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách trung ương và địa</p>	<p>Không có mâu thuẫn</p>
--	--	--	---------------------------



			<p>phương theo phân cấp; phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng.</p> <p>2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách Trung ương và địa phương theo phân cấp.</p> <p>3. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học.</p> <p>4. Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.</p> <p>5. Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế (bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, phục hồi chức năng; y học cổ truyền; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; kiểm định, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các hoạt động khác thuộc lĩnh</p>	
--	--	--	--	--

			<p>vực y tế), dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, vệ sinh an toàn thực phẩm.</p> <p>6. Văn hóa, thông tin: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:</p> <p>a) Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;</p> <p>b) Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của Nhà nước.</p> <p>7. Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh, truyền hình, thông tấn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.</p> <p>8. Thể dục, thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.</p> <p>9. Bảo vệ môi trường: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:</p> <p>a) Môi trường: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, rác thải, nước thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;</p> <p>b) Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>10. Các hoạt động kinh tế: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:</p>	
--	--	--	--	--

			<p>a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, điếm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, điếm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh;</p> <p>b) Công nghiệp: cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực dầu khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở vật chất và trang thiết bị in, đúc tiền;</p> <p>c) Giao thông: kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;</p> <p>d) Khu công nghiệp và khu kinh tế: hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;</p> <p>đ) Thương mại: chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>e) Cấp nước, thoát nước;</p> <p>g) Kho tàng: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, kho dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng;</p> <p>h) Du lịch: cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điếm, địa bàn du lịch;</p> <p>i) Viễn thông: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu viễn thông nhằm</p>	
--	--	--	---	--

			<p>thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;</p> <p>k) Buu chính: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu buu chính nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;</p> <p>l) Công nghệ thông tin: hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng;</p> <p>m) Quy hoạch: các nhiệm vụ quy hoạch;</p> <p>n) Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới.</p> <p>o) Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.</p> <p>11. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước; dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.</p> <p>12. Xã hội: các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng,</p>	
--	--	--	--	--

			<p>phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác;</p> <p>13. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.</p> <p>Trường hợp dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau thì việc phân loại dự án theo ngành, lĩnh vực sẽ căn cứ vào mục tiêu chính của dự án. Riêng đối với dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, trong đó có mục tiêu quốc phòng, an ninh nhưng không phải là mục tiêu chính, phân loại dự án theo ngành quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.</p> <p><b>Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ quy định công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm những công trình sau đây:</b></p> <p>(1) Công trình cấp nước:      Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở sau: Nhà máy nước, công trình xử lý nước sạch (kể cả xử lý bùn cặn); trạm bơm (nước thô, nước sạch hoặc tăng áp); các loại bể (tháp) chứa nước sạch; tuyến ống cấp nước (nước thô hoặc nước sạch).</p> <p>(2) Công trình thoát nước:      Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở sau: Hồ điều hòa; trạm bơm nước mưa; công trình xử lý nước</p>	
--	--	--	---	--

			<p>thải; trạm bơm nước thải; công trình xử lý bùn; các loại bể chứa nước mưa, nước thải; tuyến cống thoát nước mưa, cống chung; tuyến cống thoát nước thải.</p> <p>(3) Công trình xử lý chất thải rắn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường bao gồm: Trạm trung chuyển; bãi chôn lấp rác; khu liên hợp xử lý/khu xử lý; cơ sở xử lý chất thải rắn;</li> <li>- Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở xử lý chất thải nguy hại.</li> </ul> <p>(4) Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình trong các cơ sở sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình chiếu sáng công cộng (hệ thống chiếu sáng công cộng, cột đèn);</li> <li>- Công viên cây xanh;</li> <li>- Nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng;</li> <li>- Nhà để xe ô tô (ngầm và nổi); sân bãi để xe ô tô, xe máy móc, thiết bị.</li> </ul> <p>(5) Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động: Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở sau: Nhà, trạm viễn thông, cột ăng ten, cột treo cáp, đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông.</p> <p>(6) Cống, bể, hào, hầm, tuy nèn kỹ thuật và kết cấu khác sử dụng cho cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật.</p> <p><i>Công trình xây dựng</i></p> <p>(1) Công trình đường bộ: Đường ô tô cao tốc; đường ô tô; đường trong đô thị; đường nông thôn.</p> <p>(2) Bến phà, bến xe; cơ sở đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ; trạm thu phí; trạm dừng nghỉ.</p> <p>(3) Công trình đường sắt:</p>	
--	--	--	---	--



			<p>- Đường sắt cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị (đường sắt trên cao, đường tàu điện ngầm/Metro); đường sắt quốc gia; đường sắt chuyên dụng và đường sắt địa phương;</p> <p>- Ga hành khách, ga hàng hóa; ga deport; các kết cấu rào chắn, biển báo phục vụ giao thông.</p> <p>Chú thích: Công trình sản xuất, đóng mới phương tiện đường sắt (đầu máy, toa tàu) thuộc loại công trình phục vụ sản xuất công nghiệp - Mục II Phụ lục này.</p> <p>(4) Công trình cầu: Cầu đường bộ, cầu bộ hành (không bao gồm cầu treo dân sinh); cầu đường sắt; cầu phao; cầu treo dân sinh.</p> <p>(5) Công trình hầm: Hầm tàu điện ngầm, hầm đường ô tô, hầm đường sắt, hầm cho người đi bộ.</p> <p>(6) Công trình đường thủy nội địa, hàng hải:</p> <p>- Công trình đường thủy nội địa: Cảng, bến thủy nội địa; bến phà, âu tàu; công trình sửa chữa phương tiện thủy nội địa (bến, ụ, triền, đà, sàn nâng,...); luồng đường thủy (trên sông, hồ, vịnh và đường ra đảo, trên kênh đào); các khu vực neo đậu; công trình chính trị (hướng dòng/bảo vệ bờ).</p> <p>- Công trình hàng hải: Bến, cảng biển; bến phà; âu tàu; công trình sửa chữa tàu biển (bến, ụ, triền, đà, sàn nâng,...); luồng hàng hải; các khu vực, các công trình neo đậu; công trình chính trị (đê chắn sóng/chắn cát, kè hướng dòng/bảo vệ bờ).</p> <p>- Các công trình đường thủy nội địa, hàng hải khác: Hệ thống phao báo hiệu hàng hải trên sông, trên biển; đèn biển; đăng tiêu; công trình chính trị, đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ; hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS) và các công trình hàng hải khác.</p>	
--	--	--	--	--

			<p>(7) Công trình hàng không: Khu bay (bao gồm cả các công trình đảm bảo bay); nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, khu kỹ thuật máy bay (hangar), kho hàng hóa,...</p> <p>(8) Tuyến cáp treo và nhà ga để vận chuyển người và hàng hóa.</p> <p>(9) Cảng cạn.</p> <p>(10) Các công trình khác như: trạm cân, cống, bể, hào, hầm, tuy nèn kỹ thuật và kết cấu khác phục vụ giao thông vận tải.</p> <p>Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn bao gồm những công trình nào?</p> <p>Căn cứ vào Phụ lục I ban hành kèm theo <u>Nghị định số 06/2021/NĐ-CP</u> quy định công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn bao gồm những công trình sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình thủy lợi: Hồ chứa nước; đập ngăn nước (bao gồm đập tạo hồ, đập ngăn mặn, giữ ngọt, điều tiết trên sông, suối,...); tràn xả lũ; cống lấy nước, cống tiêu nước, cống xả nước; kênh, đường ống dẫn nước; đường hầm thủy công; trạm bơm tưới - tiêu và công trình thủy lợi khác.</li> <li>- Công trình đê điều: đê sông; đê biển và các công trình trên đê, trong đê và dưới đê.</li> <li>- Một công trình độc lập hoặc một tổ hợp các công trình trong các cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.</li> </ul>	
2		<p><b>Điều 4. Lĩnh vực và tiêu chí phân loại hợp tác xã</b></p> <p>1. Lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã:</p>	<p>Căn cứ phân loại lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã không có mâu thuẫn với các văn bản quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.</p>	<p>Các quy định về phân loại và đánh giá</p>

<p>Chương II Phân loại hợp tác xã</p>	<p>Lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã được xác định theo ngành nghề kinh doanh chính mà hợp tác xã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh. Lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã được phân loại theo bốn (04) nhóm lĩnh vực căn cứ vào các ngành kinh tế được xác định theo quy định của pháp luật về thống kê như sau:</p> <p>a) Lĩnh vực nông nghiệp gồm các ngành sau đây: ngành cấp 1 nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; ngành khai thác muối;</p> <p>b) Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng gồm các ngành cấp 1 sau đây: khai khoáng (trừ khai thác muối); công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; xây dựng;</p> <p>c) Lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm gồm ngành cấp 1 sau đây: hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm;</p> <p>d) Lĩnh vực thương mại - dịch vụ và lĩnh vực khác gồm các ngành cấp 1 sau đây: bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; thông tin và truyền thông; kinh doanh bất động sản; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; nghệ thuật vui chơi và giải trí; hoạt động dịch vụ khác.</p> <p>2. Tiêu chí phân loại quy mô hợp tác xã:</p> <p>a) Số lượng thành viên chính thức của hợp tác xã được xác định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề theo Biểu dữ liệu về hợp tác xã mà hợp tác xã gửi cơ quan đăng ký kinh doanh, được cập</p>	<p>- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế</p> <p>- Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế (Mẫu số 01-ĐK-TCT).</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu về việc Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã.</p> <p>- Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.</p>	<p>tại các Thông tur số 01/2020/TT- BKHĐT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu về việc Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã; Thông tư số 09/2017/TT- BNNPTNT ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ áp dụng cho các</p>
---	--	---	--

	<p>nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã theo quy định của pháp luật về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã;</p> <p>b) Tổng nguồn vốn của hợp tác xã được xác định trong bảng cân đối kế toán thể hiện trên Báo cáo tài chính năm của hợp tác xã mà hợp tác xã nộp cho cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp hợp tác xã hoạt động dưới một (01) năm mà chưa có Báo cáo tài chính năm nộp cho cơ quan quản lý thuế, tổng nguồn vốn được xác định căn cứ theo vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;</p> <p>c) Doanh thu của năm của hợp tác xã là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của hợp tác xã và thu nhập khác của hợp tác xã được xác định trên Báo cáo tài chính năm của hợp tác xã mà hợp tác xã nộp cho cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp hợp tác xã hoạt động dưới một (01) năm hoặc trên một (01) năm nhưng không có doanh thu thì hợp tác xã căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn quy định tại điểm b khoản này để xác định quy mô.</p>		<p>chính sách hiện hành và kể từ 01/7/2024, các Thông tư này được tiếp tục áp dụng đối với các chính sách hiện hành được cho phép tiếp tục thực hiện cho đến hết ngày 21/12/2025 theo các chính sách được ban hành tại Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT giai đoạn 2021-2025;</p>
	<p><b>Điều 5. Phân loại quy mô hợp tác xã</b>  Hợp tác xã thực hiện phân loại theo quy mô lớn, vừa, nhỏ và siêu nhỏ theo tiêu chí số lượng thành viên chính thức và một trong hai tiêu chí doanh thu hoặc tổng nguồn vốn và được xác định theo lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã quy định tại Điều 4 Nghị định này.</p>	<p>Căn cứ phân loại lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã không có mâu thuẫn với các văn bản Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Kinh doanh bảo hiểm</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã;</li> </ul>	<p>Không có mâu thuẫn, các Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19</p>

	<p>1. Phân loại hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp:</p> <p>a) Hợp tác xã quy mô lớn có từ 300 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn từ 10 tỷ đồng trở lên;</p> <p>b) Hợp tác xã quy mô vừa có từ 200 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 10 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 05 tỷ đồng trở lên;</p> <p>c) Hợp tác xã quy mô nhỏ có từ 50 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 02 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 01 tỷ đồng trở lên;</p> <p>d) Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ bao gồm các hợp tác xã không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản này.</p> <p>2. Phân loại hợp tác xã trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng:</p> <p>a) Hợp tác xã quy mô lớn có từ 100 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 80 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn từ 20 tỷ đồng trở lên;</p> <p>b) Hợp tác xã quy mô vừa có từ 50 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 15 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 10 tỷ đồng trở lên;</p> <p>c) Hợp tác xã quy mô nhỏ có từ 20 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 03 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 02 tỷ đồng trở lên;</p> <p>d) Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ bao gồm các hợp tác xã không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản này.</p> <p>3. Phân loại hợp tác xã trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm:</p> <p>a) Hợp tác xã quy mô lớn có từ 1.000 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn từ 50 tỷ đồng trở lên;</p>	<p>- Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp</p>	<p>tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã;</p> <p>Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp không áp dụng các quy định theo Luật HTX năm 2023.</p>
--	--	---	---

		<p>b) Hợp tác xã quy mô vừa có từ 500 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 100 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 20 tỷ đồng trở lên;</p> <p>c) Hợp tác xã quy mô nhỏ có từ 100 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 50 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 10 tỷ đồng trở lên;</p> <p>d) Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ bao gồm các hợp tác xã không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản này.</p> <p>4. Phân loại hợp tác xã trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ và lĩnh vực khác:</p> <p>a) Hợp tác xã quy mô lớn có từ 200 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn từ 20 tỷ đồng trở lên;</p> <p>b) Hợp tác xã quy mô vừa có từ 100 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 20 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 10 tỷ đồng trở lên;</p> <p>c) Hợp tác xã quy mô nhỏ có từ 20 thành viên chính thức trở lên và doanh thu của năm từ 05 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn từ 02 tỷ đồng trở lên;</p> <p>d) Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ bao gồm các hợp tác xã không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản này.</p> <p>5. Trường hợp hợp tác xã thỏa mãn các tiêu chí phân loại quy mô hợp tác xã ở nhiều mức khác nhau thì quy mô hợp tác xã được xác định theo mức quy mô lớn nhất.</p> <p>6. Việc phân loại quy mô hợp tác xã được thực hiện và ghi nhận tại biểu dữ liệu về hợp tác xã trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.</p>		
3	Chương III Chính sách hỗ trợ của	<p><b>Điều 6. Tiêu chí thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước</b></p> <p>1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xem xét</p>	<p><b>Luật Hợp tác xã năm 2023</b></p> <p>Điều 7. Hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>



<p>nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p>	<p>hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi đáp ứng các tiêu chí sau:</p> <p>a) Tiêu chí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 của Luật Hợp tác xã;</p> <p>b) Đáp ứng một trong các tiêu chí sau tại thời điểm nộp đơn đề nghị hỗ trợ: Số lượng thành viên tăng trong hai (02) năm liên tiếp liền kề; hoặc tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ tăng trong năm trước liền kề; hoặc tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia cao hơn so với mức tối thiểu quy định tại Điều 84 Luật Hợp tác xã trong năm trước liền kề; hoặc phát triển tài sản chung không chia trong năm trước liền kề; hoặc có ít nhất 5% tổng số thành viên, người lao động được tham gia các lớp giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự tổ chức hoặc do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác tổ chức và đã được cấp chứng nhận tham gia khóa học hoặc có danh sách thành viên, người lao động tham gia khóa học có đóng dấu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (đối với các khóa học do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự tổ chức, thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải có kế hoạch tổ chức khóa học, nội dung khóa học và danh sách khóa học có chữ ký của người tham gia khóa học); hoặc đã thành lập không quá 36 tháng tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư. Các tiêu chí này phải được thể hiện tại biểu dữ liệu về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi cơ quan đăng ký kinh doanh, được cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã theo quy định của pháp luật về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp</p>	<p>1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước:</p> <p>a) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp không đủ điều kiện; từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đủ điều kiện theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Cản trở việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ hợp pháp của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên theo quy định của Luật này;</p> <p>c) Hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Lợi dụng quyền hạn để làm trái với các quy định của pháp luật về hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>đ) Gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức, cá nhân có liên quan trong đăng ký, hoạt động và thực hiện hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>e) Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin sai lệch, không trung thực liên quan đến hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>2. Đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:</p> <p>a) Hoạt động không có giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của Luật này; hoạt động khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>c) Thực hiện không đúng các nguyên tắc tổ chức, quản</p>	
--	---	---	--

	<p>tác xã;</p> <p>c) Đối với khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước có giá trị từ ba (03) tỷ đồng trở lên cho một (01) hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tại thời điểm nộp đơn đề nghị hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải có báo cáo tài chính năm trước liền kề được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập.</p> <p>2. Tổ hợp tác được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi đáp ứng các tiêu chí sau:</p> <p>a) Tiêu chí theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 18 của Luật Hợp tác xã;</p> <p>b) Đáp ứng một trong các tiêu chí sau tại thời điểm nộp đơn đề nghị hỗ trợ: Số lượng thành viên tăng trong hai (02) năm liên tiếp liền kề; hoặc có ít nhất 5% tổng số thành viên, người lao động được tham gia các lớp giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn do tổ hợp tác tự tổ chức hoặc do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác tổ chức và đã được cấp chứng nhận tham gia khóa học hoặc có danh sách thành viên, người lao động tham gia khóa học có đóng dấu của tổ hợp tác (đối với các khóa học do tổ hợp tác tự tổ chức, thì tổ hợp tác phải có kế hoạch tổ chức khóa học, nội dung khóa học và danh sách khóa học có chữ ký của người tham gia khóa học); hoặc đã thành lập không quá 36 tháng tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư. Các tiêu chí này phải được thể hiện tại biểu dữ liệu về tổ hợp tác mà tổ hợp tác gửi cơ quan đăng ký kinh doanh, được cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã theo quy định của pháp luật về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.</p>	<p>lý và hoạt động theo quy định của Luật này;</p> <p>d) Cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực, làm giả giấy tờ để trục lợi;</p> <p>đ) Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết.</p> <p>3. Đối với thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:</p> <p>a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì lợi ích cá nhân hoặc của một nhóm thành viên;</p> <p>b) Cung cấp thông tin không trung thực cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>Điều 18. Tiêu chí thụ hưởng chính sách</p> <p>1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xem xét thụ hưởng chính sách khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:</p> <p>a) Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này; không trong thời gian chấp hành bản án hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;</p> <p>b) Phát triển thành viên hoặc tăng tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ hoặc phát triển quỹ chung không chia, tài sản chung không chia hoặc thực hiện giáo dục, đào tạo, tập huấn, phổ biến, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động hoặc mới thành lập tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Có báo cáo kiểm toán trong trường hợp nội dung chính sách có yêu cầu.</p> <p>2. Tổ hợp tác được xem xét thụ hưởng chính sách khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:</p> <p>a) Có Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;</p>	
--	---	--	--

	<p>3. Tiêu chí ưu tiên lựa chọn đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Hợp tác xã do cơ quan, địa phương chủ quản thực hiện chính sách xem xét quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và phải được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, địa phương chủ quản thực hiện chính sách và Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.</p> <p>4. Các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp cho cơ quan thực hiện chính sách.</p> <p>5. Khi cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoạt động hỗ trợ phát hiện thông tin tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cung cấp không trung thực, vi phạm tiêu chí quy định tại điểm a khoản 1 hoặc điểm a khoản 2 Điều này thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được lựa chọn hưởng chính sách sẽ bị dừng thực hiện chính sách và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>b) Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này;</p> <p>c) Phát triển thành viên hoặc thực hiện giáo dục, đào tạo, tập huấn, phổ biến, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động hoặc mới thành lập tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trường hợp nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, nhiều tổ hợp tác cùng đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này thì ưu tiên lựa chọn tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo các tiêu chí sau đây: Số lượng thành viên nhiều hơn; số lượng thành viên là người khuyết tật nhiều hơn; số lượng thành viên là đồng bào dân tộc thiểu số nhiều hơn; số lượng thành viên, người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện nhiều hơn; có phụ nữ làm quản lý, có nhiều thành viên là nữ hoặc sử dụng nhiều lao động nữ hơn; hoạt động tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; tham gia liên kết hình thành chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số vì mục tiêu phát triển bền vững; tổ chức hoặc tham gia các hoạt động lợi ích cộng đồng dân cư.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
	<p><b>Điều 7. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ:</p>	<p><b>Nghị quyết 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 16/6/2022</b></p> <p><b>III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU</b></p> <p>2.1. Chính sách phát triển nguồn nhân lực</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>

	<p>a) Cơ sở giáo dục đại học có triển khai nội dung về đào tạo kinh tế tập thể; cơ sở đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý nhà nước;</p> <p>b) Thành viên, người lao động đang làm việc tại tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đáp ứng tiêu chí theo quy định tại Điều 6 Nghị định này và được tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nội dung của khóa học;</p> <p>c) Cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ về kinh tế tập thể tại bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương;</p> <p>d) Cán bộ của Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội;</p> <p>đ) Viên chức, giảng viên về kinh tế tập thể trong các cơ sở nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo.</p> <p><b>2. Nội dung hỗ trợ:</b></p> <p>a) Hỗ trợ kinh phí biên soạn, xây dựng, phát hành chương trình, giáo trình về kinh tế tập thể sử dụng trong các cơ sở giáo dục đại học, đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý nhà nước;</p> <p>b) Hỗ trợ kinh phí xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ về phát triển kinh tế tập thể và thành viên, người lao động làm việc trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>c) Các chương trình bồi dưỡng về chuyên môn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, kỹ thuật được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến. Nội dung bồi dưỡng theo khung kiến thức quy định tại chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể do Thủ tướng Chính phủ ban hành;</p>	<p>- Đưa nội dung đào tạo về kinh tế tập thể vào chương trình của một số trường đại học, giảng dạy chính thức trong chương trình đào tạo lý luận chính trị, chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên. Hằng năm dành chỉ tiêu cử cán bộ trẻ đi đào tạo chính quy về kinh tế tập thể tại một số quốc gia có phong trào hợp tác xã phát triển mạnh.</p> <p>- Chuẩn hoá các chức danh quản lý trong tổ chức kinh tế tập thể (giám đốc, kế toán, kiểm soát). Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với các cán bộ quản lý chưa đạt tiêu chuẩn chức danh vị trí đang đảm nhiệm.</p> <p>- Khuyến khích thu hút cán bộ quản lý và khoa học về công tác tại các tổ chức kinh tế tập thể, nhà nước hỗ trợ trả lương cho cán bộ quản lý và khoa học được đào tạo tại các trường đại học có chuyên ngành phù hợp, được đại hội thành viên nhất trí nhận về công tác tại các tổ chức kinh tế tập thể.</p> <p><b>Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025.</b></p> <p>Phần III. Nội dung chương trình</p> <p>Điểm 2. Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể</p> <p>a) Đối tượng hỗ trợ</p> <p>- Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể.</p> <p>- Công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tại các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương (bao gồm: công chức chuyên trách và công chức kiêm nhiệm).</p>	
--	---	---	--

	<p>d) Hỗ trợ chi phí đi lại, ăn, ở cho thành viên, người lao động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, kỹ thuật trong nước;</p> <p>đ) Lương, thưởng và phúc lợi cho người lao động tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học làm việc tại các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>e) Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, kiến thức quản trị và sản xuất, kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phù hợp với từng ngành, lĩnh vực và địa bàn.</p> <p>3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực;</p> <p>b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí chi trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn, ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng nơi tổ chức khóa học cho thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia các khóa học trong nước. Đối với các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài, thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được nhà nước hỗ trợ như đối với cán bộ, công chức, viên chức;</p> <p>c) Ngân sách nhà nước chi trả 100% kinh phí đối với công chức, viên chức cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, các hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng;</p>	<p>- Công chức, viên chức của Liên minh hợp tác xã các cấp, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.</p> <p>- Giảng viên về kinh tế tập thể trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.</p> <p>b) Điều kiện hỗ trợ</p> <p>- Được tổ chức kinh tế tập thể, đơn vị chủ quản cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của đơn vị; đủ điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có năng lực và trình độ phù hợp với khóa học.</p> <p>- Đối với trường hợp cử đi đào tạo dài hạn: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện trên, đối tượng được hỗ trợ phải dưới 50 tuổi và cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực kinh tế tập thể ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với Nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết.</p> <p>c) Nội dung hỗ trợ</p> <p>- Đào tạo</p> <p>+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo; kinh phí mua giáo trình của khóa học; chi phí ăn, ở.</p> <p>+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: Cấp học bổng đào tạo, nghiên cứu dài hạn trong nước và nước ngoài về hợp tác xã và các chuyên ngành hỗ trợ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Học bổng bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định.</p>	
--	--	---	--

	<p>d) Ngân sách địa phương hỗ trợ cho mỗi lao động làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng;</p> <p>đ) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chính sách xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên, khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.</p>	<p>+ Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến về kinh tế tập thể, bao gồm: Xây dựng khung, nội dung chương trình đào tạo trực tuyến; triển khai thực hiện đào tạo trực tuyến về kinh tế tập thể; xây dựng, vận hành và duy trì trang thông tin điện tử về đào tạo trực tuyến.</p> <p>- Bồi dưỡng</p> <p>+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Chi phí đi lại từ trụ sở đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); kinh phí mua tài liệu của chương trình khóa học; các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát; chi phí ăn, ở theo định mức được áp dụng tương tự như đối với công chức nhà nước.</p> <p>+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: Cấp học bổng bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài (bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định của chế độ tài chính hiện hành) và tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước.</p> <p>- Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: Hỗ trợ lương cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể.</p> <p>d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ</p> <p>- Đào tạo</p> <p>+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách địa phương bảo đảm 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.</p>	
--	---	---	--



			<p>+ Đối với công chức, viên chức các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên: Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí.</p> <p>- Bồi dưỡng</p> <p>+ Đối với thành viên, người lao động tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách trung ương: Bảo đảm 100% kinh phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập; hỗ trợ 100% chi phí ăn ở đối với các tổ chức kinh tế tập thể nằm trong vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm: các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo); đối với các vùng khác: Hỗ trợ 90% đối với các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, 80% đối với các tổ chức kinh tế tập thể khác.</p> <p>+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí.</p> <p>- Đối với lao động trở về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách địa phương hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 03 năm/người, tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.</p>	
		<p><b>Điều 8. Chính sách hỗ trợ thông tin</b>  1. Đối tượng hỗ trợ: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;  2. Nội dung hỗ trợ:</p>	<p>Điều 8. Chính sách hỗ trợ thông tin (Điều 20 Luật Hợp tác xã) phù hợp với các quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông</p>	

	<p>a) Các thông tin được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã, bao gồm: Các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ; thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực kinh tế tập thể; các thông tin khác theo nhu cầu của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cung cấp thông tin về chính sách hỗ trợ trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã;</p> <p>c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh được cấp tài khoản trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã để thực hiện cung cấp, cập nhật thông tin hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu cung cấp thông tin, tương tác và kết nối với các đối tác tham gia trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã có quyền đề nghị cấp tài khoản. Tài khoản sử dụng trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã được quản lý tập trung trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã;</p> <p>d) Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã được tích hợp dữ liệu từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm cung cấp thông tin hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp</p>	<p>tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.</p> <p>Điều 6. Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước</p> <p>1. Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là kênh cung cấp thông tin chính thống, tập trung của cơ quan nhà nước trong phạm vi bộ, ngành, địa phương trên môi trường mạng. Cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nếu có trang thông tin điện tử thì phải là thành phần của Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>2. Cổng thông tin điện tử Chính phủ làm đầu mối kết nối thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trên môi trường mạng; hướng dẫn nghiệp vụ, tích hợp thông tin với Cổng thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>3. Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kết nối, tích hợp với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.</p> <p>4. Tên miền truy cập cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và sử dụng công nghệ địa chỉ Internet IPv6, tuân thủ theo quy tắc sau đây:</p>	
--	---	--	--

		<p>tác xã và các thông tin khác cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tra cứu.</p> <p>3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều này;</p> <p>b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chính sách xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên, khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.</p>	<p>a) Đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, sử dụng tên miền cấp 3 có dạng: <code>tenbonganh.gov.vn</code>, trong đó <code>tenbonganh</code> là tên viết tắt hoặc đầy đủ bằng tiếng Việt không dấu hoặc là tên viết tắt bằng tiếng Anh của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo quy định của Bộ Ngoại giao. Cơ quan trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sử dụng tên miền cấp 4 có dạng: <code>tendonvi.tenbonganh.gov.vn</code>, trong đó <code>tendonvi</code> là tên viết tắt hoặc tên đầy đủ của cơ quan trực thuộc bằng tiếng Việt không dấu hoặc tiếng Anh.</p> <p>b) Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, sử dụng tên miền cấp 3 có dạng: <code>tentinhthanh.gov.vn</code>, trong đó <code>tentinhthanh</code> là tên đầy đủ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bằng tiếng Việt không dấu. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sử dụng tên miền truy cập là: <code>hochiminhcity.gov.vn</code>. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sử dụng tên miền cấp 4 có dạng: <code>tencoquan.tentinhthanh.gov.vn</code>, trong đó <code>tencoquan</code> là tên viết tắt hoặc tên đầy đủ của cơ quan chuyên môn bằng tiếng Việt không dấu hoặc tiếng Anh.</p> <p>c) Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, sử dụng tên miền cấp 4 có dạng: <code>tenquanhuyen.tentinhthanh.gov.vn</code>, trong đó <code>tenquanhuyen</code> là tên đầy đủ của huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bằng tiếng Việt không dấu.</p> <p>d) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, sử dụng tên miền cấp 5 có dạng: <code>tenphuongxa.tenquanhuyen.tentinhthanh.gov.vn</code>,</p>	
--	--	--	--	--

			<p>trong đó tenphuongxa là tên đầy đủ của xã, phường, thị trấn bằng tiếng Việt không dấu.</p> <p>5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm bổ sung, thay đổi tên miền truy cập theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>6. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cung cấp các dữ liệu đặc tả cho Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước để hỗ trợ tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin, bảo đảm khả năng liên kết, tích hợp với Cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có liên quan, đồng thời bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và xây dựng công cụ dùng chung để các cơ quan nhà nước phát triển Cổng thông tin điện tử.</p> <p>Điều 7. Các chức năng hỗ trợ cơ bản của cổng thông tin điện tử</p> <p>1. Hỗ trợ tìm kiếm, liên kết và lưu trữ thông tin</p> <p>a) Chức năng tra cứu, tìm kiếm thông tin cho phép tìm kiếm được đầy đủ và chính xác nội dung thông tin, tin, bài cần tìm hiện có theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>b) Cung cấp đầy đủ, chính xác các đường liên kết đến cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước khác có liên quan.</p> <p>c) Cung cấp chức năng in ấn và lưu trữ cho mỗi tin, bài.</p> <p>2. Cung cấp thông tin bằng tiếng nước ngoài</p> <p>a) Cơ quan nhà nước phải bảo đảm cung cấp các thông tin bằng tiếng Anh gồm: Cơ cấu tổ chức, chức năng,</p>	
--	--	--	--	--

		<p>nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc; thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền, bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức.</p> <p>b) Khuyến khích cơ quan nhà nước đăng tải các mục thông tin khác bằng tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.</p> <p>c) Các mục thông tin quy định tại điểm a, điểm b của khoản 2 Điều này phải được cập nhật kịp thời khi có thay đổi.</p> <p>3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, các cơ quan nhà nước triển khai các chức năng cơ bản tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên các kênh cung cấp khác.</p>	
	<p><b>Điều 9. Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ:</p> <p>a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>b) Cá nhân, tổ chức tham gia tư vấn cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>2. Nội dung hỗ trợ:</p> <p>a) Hỗ trợ xây dựng và tăng cường năng lực cho mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm: Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; các đơn vị sự nghiệp công lập có liên quan; cá nhân, tổ chức khác tham gia tư vấn cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp cận mạng lưới tư vấn viên để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính, pháp lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành);</p>	<p>Luật HTX năm 2023</p> <p>Điều 20. Chính sách phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn</p> <p>6. Xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>

	<p>c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình hỗ trợ thông tin, tư vấn về pháp lý, xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ, lập phương án sản xuất kinh doanh, quy chế trong quản lý, hướng dẫn và thực hiện thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật trên cơ sở tổng hợp nhu cầu từ các bộ, ngành, địa phương;</p> <p>b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ quản thực hiện chính sách xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ.</p>		
	<p><b>Điều 10. Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ:</p> <p>a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo tiêu chí được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu học tập kinh nghiệm từ các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả.</p> <p>2. Nội dung hỗ trợ:</p> <p>a) Ưu tiên hỗ trợ, đầu tư để củng cố, hoàn thiện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả;</p> <p>b) Nội dung hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu học tập từ mô hình hiệu quả bao gồm: tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến kinh nghiệm; tham</p>	<p>Phù hợp với các nội dung hỗ trợ hợp tác xã tại:</p> <p>- Luật Hợp tác xã 2023</p> <p>Điều 20. Chính sách phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn</p> <p>7. Nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả.</p> <p>- Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 03 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2030 Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025.</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>



	<p>quan, khảo sát; tư vấn, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.</p> <p>3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều này;</p> <p>b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ quản thực hiện chính sách xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ.</p>		
	<p><b>Điều 11. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>2. Nội dung hỗ trợ:</p> <p>a) Tư vấn giải pháp chuyển đổi số đối với quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh;</p> <p>b) Thuê, mua giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chuyển đổi mô hình kinh doanh;</p> <p>c) Tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn chuyển giao công nghệ;</p> <p>d) Tham gia nhiệm vụ khoa học công nghệ nhằm nghiên cứu đổi mới công nghệ, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p>	<p><b>Luật Khoa học và Công nghệ</b></p> <p>Điều 45. Khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt công nghệ cao và khai thác, sử dụng sáng chế để đổi mới quản lý kinh tế - xã hội, đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng và ưu đãi khác theo quy định tại Luật này và văn bản pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Chủ sở hữu, tác giả và người ứng dụng thành công kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hưởng lợi ích do việc ứng dụng kết quả này vào sản xuất và đời sống theo hợp đồng khoa học và công nghệ và theo quy định của Luật này.</p> <p>3. Việc ứng dụng thành công thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống là một trong những tiêu chí chủ yếu để đánh giá năng lực của tác giả, người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp; là căn cứ để Nhà nước ưu tiên khi xét tuyển chọn, giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; được quỹ của Nhà nước</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>

		<p>đ) Nhà nước phát triển một số phần mềm, ứng dụng phục vụ cho sản xuất, kinh doanh để các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã dùng chung và không thu tiền;</p> <p>e) Xây dựng trang thông tin điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.</p> <p>3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định;</p> <p>b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều này;</p> <p>c) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ quản thực hiện chính sách xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ.</p>	<p>trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét hỗ trợ kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ.</p> <p>4. Tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ, ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật để đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</p> <p>5. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tạo điều kiện để thành viên ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</p> <p>Điều 47. Khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo</p> <p>1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp phải có biện pháp thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo.</p> <p>2. Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp tổ chức hội thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; dành ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ để hỗ trợ các hoạt động này.</p> <p>3. Doanh nghiệp dành kinh phí tổ chức thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo thì kinh phí chi cho hoạt động này được tính là đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.</p> <p><b>Luật Chuyển giao công nghệ</b></p>	
--	--	--	--	--

			<p>Điều 3. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ</p> <p>4. Hỗ trợ ý tưởng công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ, liên kết giữa tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất; chú trọng thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.</p> <p><b>Nghị định số 76/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chuyển giao công nghệ</b></p> <p>Điều 8. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ</p> <p>1. Điều kiện được hỗ trợ:</p> <p>a) Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;</p> <p>b) Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);</p> <p>c) Công nghệ được chuyển giao thuộc dự án quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>2. Hình thức hỗ trợ:</p> <p>a) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay để thực hiện chuyển giao công nghệ;</p> <p>b) Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc hỗ trợ trực tiếp.</p> <p>3. Nội dung hỗ trợ đối với điểm b khoản 2 Điều này để phục vụ hoạt động cải tiến, đổi mới công nghệ, sử dụng tối đa hiệu suất; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong quá trình thực hiện chuyển giao công nghệ bao gồm:</p>	
--	--	--	--	--

			<p>a) Được ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ tuyển chọn, giao trực tiếp và được hỗ trợ theo quy định của chương trình, quỹ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ;</p> <p>b) Được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp đối với hỗ trợ trực tiếp.</p> <p>4. Nguồn kinh phí hỗ trợ:</p> <p>a) Đối với hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;</p> <p>b) Đối với hỗ trợ trực tiếp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.</p> <p>5. Mức hỗ trợ:</p> <p>Ngoài hưởng các ưu đãi đối với ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp được hưởng các mức hỗ trợ sau:</p> <p>a) Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định hiện hành đối với các nguồn quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;</p>	
--	--	--	--	--

			<p>b) Được hỗ trợ tối đa 2%/năm lãi suất vay từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án;</p> <p>c) Được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định của các quỹ, tổ chức tín dụng cho vay ưu đãi đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án.</p> <p>Điều 10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp</p> <p>1. Nội dung hoạt động đầu tư của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 35 của Luật Chuyển giao công nghệ bao gồm:</p> <p>a) Đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo;</p> <p>b) Đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;</p> <p>c) Giải mã công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ;</p> <p>d) Thuê tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài để tư vấn, quản lý hoạt động đầu tư của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo hợp đồng giữa các bên.</p> <p>2. Hoạt động đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo được thực hiện theo các hình thức sau:</p> <p>a) Góp vốn thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;</p> <p>b) Mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;</p> <p>c) Góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;</p> <p>d) Hợp tác kinh doanh.</p>	
--	--	--	---	--

			<p>3. Hoạt động đầu tư, đối ứng vốn đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp và tuân theo quy định của <u>Luật Đầu tư</u>, <u>Luật Doanh nghiệp</u>, <u>Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</u> và quy định pháp luật khác có liên quan.</p> <p>4. Doanh nghiệp nhà nước thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này phải tuân theo quy định về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Điều 12. Khuyến khích hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu chung</p> <p>1. Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo được hưởng các ưu đãi sau:</p> <p>a) Được hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định này đối với dự án đầu tư đổi mới công nghệ có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) và thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư;</p> <p>b) Hưởng các hỗ trợ theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 15 Nghị định này đối với cá nhân tham gia dự án đầu tư đổi mới công nghệ;</p> <p>c) Ưu tiên đưa nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào danh mục nhiệm vụ của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, các chương trình khoa học và công nghệ có nội dung hỗ trợ đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, quỹ phát triển khoa học và công nghệ</p>	
--	--	--	---	--

			<p>của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;</p> <p>d) Thuê lao động kỹ thuật, khảo sát nhu cầu thị trường, thuê trang thiết bị, sử dụng phòng thí nghiệm, cơ sở kỹ thuật để hoàn thiện, phát triển sản phẩm, mô hình kinh doanh đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã nhận được khoản đầu tư ban đầu từ nhà đầu tư hoặc tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp.</p> <p>2. Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ được hưởng các ưu đãi sau:</p> <p>a) Được ưu tiên đầu tư vào khu công nghệ cao đối với các dự án đáp ứng điều kiện về lĩnh vực công nghệ cao;</p> <p>b) Được khuyến khích thực hiện theo hình thức đối tác công tư và được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đầu tư đối với dự án thực hiện các hoạt động nghiên cứu, chế tạo, sản xuất thử nghiệm, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Việc triển khai dự án được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;</p> <p>c) Được hỗ trợ kinh phí sửa chữa và sử dụng, khai thác cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung với mức giá ưu đãi cho hoạt động ươm tạo, khởi nghiệp sáng tạo; đầu tư trang thiết bị dùng chung cho hoạt động ươm tạo, khởi nghiệp sáng tạo; lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin và cung cấp miễn phí các dịch vụ internet cho cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.</p>	
--	--	--	--	--

			<p>3. Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án nghiên cứu chung được hưởng các ưu đãi sau:</p> <p>a) Ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các chương trình hợp tác song phương và đa phương đối với hợp tác nghiên cứu chung có tổ chức hoặc cá nhân ở nước ngoài tham gia;</p> <p>b) Hỗ trợ công bố công nghệ mới, sản phẩm mới từ kết quả hợp tác nghiên cứu được quy định tại Điều 26 Nghị định này;</p> <p>c) Hỗ trợ khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo Điều 24 Nghị định này;</p> <p>d) Được xem xét hỗ trợ kinh phí nếu đáp ứng các quy định tại Điều 19 Nghị định này.</p> <p>Điều 21. Mua, nghiên cứu hoàn thiện sáng chế, sáng kiến để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng</p> <p>1. Sáng chế, sáng kiến đã được ứng dụng hiệu quả ở quy mô nhỏ được Nhà nước xem xét mua để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng theo quy định của pháp luật về mua sắm sử dụng vốn nhà nước.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân có sáng chế, sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả ở quy mô nhỏ được ưu tiên tham gia chương trình, đề án do bộ, ngành, địa phương quản lý để nghiên cứu hoàn thiện, chuyển giao, mở rộng quy mô áp dụng.</p> <p>Điều 24. Thúc đẩy khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ý tưởng công nghệ</p> <p>1. Nhà nước cung cấp thông tin miễn phí về khoa học và công nghệ cho các đối tượng sau:</p>	
--	--	--	--	--



			<p>a) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao;</p> <p>b) Cá nhân, nhóm cá nhân thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;</p> <p>c) Tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.</p> <p>2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được ưu tiên tham gia các chương trình, đề án hỗ trợ khai thác thông tin khoa học và công nghệ, khai thác sáng chế, phát hiện tài sản trí tuệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</p> <p>Điều 28. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ của doanh nghiệp</p> <p>1. Nội dung đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ bao gồm: Đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, tìm kiếm công nghệ; đàm phán và chuyên gia công nghệ; kỹ năng vận hành, khai thác hiệu quả các công nghệ; thích nghi, cải tiến công nghệ, giải mã công nghệ; bồi dưỡng chuyên sâu về thiết kế, phát triển sản phẩm dựa trên công nghệ và nội dung khác phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>2. Hoạt động hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp:</p> <p>a) Điều tra, khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của doanh nghiệp; khảo sát, đánh giá tác động và hiệu quả của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức các hoạt động để quản lý, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc;</p>	
--	--	--	---	--

			<p>b) Thiết kế khung chương trình đào tạo bồi dưỡng về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo và biên soạn nội dung, tài liệu đào tạo, in ấn giáo trình, tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng;</p> <p>d) Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, cộng tác viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho doanh nghiệp.</p> <p>3. Hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng gồm đào tạo, bồi dưỡng tập trung, tại doanh nghiệp, qua mạng và các hình thức khác.</p> <p>4. Nguồn kinh phí hỗ trợ được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia và các chương trình, đề án khác do bộ, ngành, địa phương quản lý.</p> <p>5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ được thực hiện theo quy định của <u>Luật khoa học và công nghệ</u> và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia.</p> <p>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ đối với kinh phí hỗ trợ từ các chương trình, đề án khác do bộ, ngành, địa phương quản lý được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p><b>Nghị định số 23/2014/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia; Nghị định số 19/2021/NĐ-CP sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển</b></p>	
--	--	--	--	--

			<p>khoa học và công nghệ Quốc gia kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP – Không có mâu thuẫn</p>	
		<p><b>Điều 12. Chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường</b>  1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.  2. Nội dung hỗ trợ:  a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cung cấp thông tin về pháp lý, kinh tế; khảo sát và nghiên cứu thị trường; thông tin dự báo, cảnh báo các biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của hội, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  b) Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm, diễn đàn và hoạt động xúc tiến thương mại của bộ, ngành, địa phương tổ chức trong và ngoài nước;  c) Hỗ trợ kinh phí xây dựng chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc;  d) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành các điểm giới thiệu, bán sản phẩm tại các địa phương;  đ) Hỗ trợ kinh phí xây dựng, triển khai, tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử;  e) Ưu tiên, hỗ trợ kinh phí tham gia chương trình sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị kinh tế, văn hóa, lợi thế của địa phương.  3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:</p>	<p><b>Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025.</b>  Phần III. Nội dung chương trình  Điểm 4. Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường  a) Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.  b) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, thực hành sản xuất xanh, OCOP.  c) Nội dung hỗ trợ  - Kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước; chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.  - Xây dựng một số trung tâm xúc tiến thương mại (bán và giới thiệu sản phẩm); hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể tại các địa phương.  - Xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể.  d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ  - Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể.  - Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; tổ chức diễn đàn</p>	

	<p>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể;</p> <p>b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; tổ chức diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử;</p> <p>c) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ quản thực hiện chính sách xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ.</p> <p><b>Điều 16. Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.</p> <p>2. Nội dung hỗ trợ: Ngoài việc được hưởng chính sách hỗ trợ khác, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn được hưởng các hỗ trợ sau:</p> <p>a) Hỗ trợ vốn, giống, trang thiết bị ứng dụng khoa học và công nghệ khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chuyển đổi sang sản xuất bền vững, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu theo các đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với cấp quản lý ngân sách;</p> <p>b) Hỗ trợ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp</p>	<p>kinh tế tập thể; hỗ trợ hợp tác xã trong việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử; xây dựng một số trung tâm xúc tiến thương mại của các tổ chức kinh tế tập thể và kinh phí duy trì, vận hành trung tâm trong 03 năm đầu, các năm tiếp theo do các trung tâm tự chủ.</p> <p><b>Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.</b></p> <p style="text-align: center;"><b>CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ</b></p> <p><b>Điều 7. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết</b></p> <p>1. Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu đề xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.</p> <p>2. Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác.</p> <p><b>Điều 8. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết</b></p> <p>1. Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.</p> <p>2. Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo các kế hoạch, chương trình,</p>	
--	---	---	--

	<p>tác xã nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc thuê đất, đất có mặt nước của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp tập trung: Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp (bao gồm cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm, đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp); Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản bao gồm hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh rới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè, nâng cấp và phát triển lồng bè nuôi trồng thủy, hải sản tập trung; Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng chăn nuôi tập trung bao gồm: đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng chăn nuôi tập trung, hệ thống chuồng, trại.</p> <p>3. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ và cơ chế quản lý sau đầu tư đối với dự án hỗ trợ công trình kết cấu hạ tầng tại điểm b khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 13 Nghị định này.</p>	<p>dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.</p>	
	<p><b>Điều 13. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>2. Nội dung hỗ trợ: đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh</p>	<p><b>Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025.</b></p> <p>Phần III. Nội dung chương trình</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>

	<p>doanh; phục vụ an sinh xã hội; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>3. Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân các cấp được phép sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên để thực hiện các nội dung hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Dự án hỗ trợ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản này là dự án đầu tư công và được ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư của dự án. Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng dự án do cấp quyết định chủ trương đầu tư (hoặc cấp quyết định đầu tư đối với các trường hợp dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư) xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ.</p> <p>4. Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý sử dụng vốn ngân sách trung ương:</p> <p>a) Căn cứ nhu cầu, định hướng, nguồn lực, ngành, lĩnh vực hỗ trợ và đề xuất hỗ trợ dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và chủ động bố trí vốn cho dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý sử dụng vốn ngân sách trung ương;</p>	<p>Điểm 5. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm</p> <p>a) Đối tượng hỗ trợ: Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là hợp tác xã) hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp.</p> <p>b) Cơ chế đầu tư</p> <p>- Điều kiện hỗ trợ</p> <p>+ Hợp tác xã căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề nghị gửi cấp chính quyền địa phương nơi hợp tác xã tổ chức sản xuất, kinh doanh.</p> <p>+ Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế quy định số lượng thành viên cụ thể, ưu tiên các hợp tác xã có số lượng thành viên lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; hợp tác xã hoạt động trên các địa bàn đặc biệt khó khăn.</p> <p>- Nội dung hỗ trợ</p> <p>+ Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.</p> <p>+ Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp (bao gồm: Cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp).</p> <p>+ Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản bao gồm: Hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng</p>	
--	--	--	--

	<p>b) Mỗi dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị quy định tại điểm a khoản này có thể bao gồm nhiều công trình hoặc hạng mục hỗ trợ kết cấu hạ tầng, trang thiết bị cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>5. Quy trình đề xuất, tổng hợp, lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định và giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị do ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý:</p> <p>a) Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước cho giai đoạn sau của cấp có thẩm quyền và chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của Thủ tướng Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị liên quan để hướng dẫn cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã từ nguồn vốn ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn sau;</p> <p>b) Căn cứ đề xuất nhu cầu hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn quản lý từ nguồn vốn ngân sách trung ương, trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề xuất, ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, có ý kiến bằng văn bản gửi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo về sự phù hợp về đối tượng, tiêu chí, điều kiện thụ hưởng theo quy định. Trường hợp phù hợp với đối tượng, tiêu chí, điều kiện thụ hưởng, ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc</p>	<p>thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè; nâng cấp và phát triển lồng bè nuôi trồng hải sản tập trung của hợp tác xã nông nghiệp trên biển.</p> <p>- Nguồn vốn và mức hỗ trợ</p> <p>+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, hợp tác xã và vốn hợp pháp khác.</p> <p>+ Mức hỗ trợ</p> <p>Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100%; căn cứ mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, vốn đề xuất đối ứng của hợp tác xã, vốn từ các nguồn hợp pháp khác và tính chất của dự án/phương án cấp chính quyền địa phương xem xét, quyết định mức hỗ trợ cho dự án/phương án từ nguồn ngân sách địa phương.</p> <p>Đối với dự án có tính chất liên vùng, khu vực do các bộ, cơ quan trung ương quản lý: Ngân sách trung ương đầu tư tối đa 100% tổng mức đầu tư của dự án.</p> <p>- Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã thông qua cấp chính quyền địa phương xây dựng, mua sắm, bàn giao cho hợp tác xã; trường hợp hợp tác xã có đủ năng lực, cấp có thẩm quyền xem xét giao cho hợp tác xã tự thực hiện dự án, mua sắm với tổng mức vốn dưới 03 tỷ đồng.</p>	
--	---	---	--

	<p>địa bàn quản lý, có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>c) Căn cứ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kết cấu hạ tầng, trang thiết bị cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>d) Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án; lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách trung ương cho các dự án quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan và căn cứ trên đề xuất hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>đ) Dự án hỗ trợ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được phân loại theo tổng mức đầu tư dự án tổng thể và lĩnh vực của các dự án thành phần chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng mức đầu tư dự án tổng thể theo quy định về tiêu chí phân loại dự án tại pháp luật về đầu tư công.</p> <p>6. Phương thức thực hiện hỗ trợ và cơ chế quản lý sau đầu tư:</p> <p>a) Đối với dự án đầu tư công trình kết cấu hạ tầng, cơ sở hạ tầng khác, trang thiết bị dùng riêng cho 01 tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: các cơ quan nhà nước thực hiện dự án bàn giao cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng các công trình, tài sản này sau khi được bàn giao.</p>		
--	---	--	--



	<p>b) Đối với dự án đầu tư công trình kết cấu hạ tầng, cơ sở hạ tầng khác, trang thiết bị dùng chung cho 02 tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trở lên: cơ quan nhà nước thực hiện dự án; cấp quyết định đầu tư dự án xem xét giao, ủy quyền cho đơn vị có chức năng quản lý theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Công trình kết cấu hạ tầng, cơ sở hạ tầng khác, trang thiết bị mà tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ là tài sản chung của tổ hợp tác, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>7. Đối với dự án hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị sử dụng toàn bộ vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương, quy trình lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền và quy định của hội đồng nhân dân các cấp.</p> <p>8. Đối với dự án hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, quy trình lập, thẩm định, quyết định đầu tư và giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và quy định của hội đồng nhân dân các cấp.</p>		
	<p><b>Điều 14. Chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước</b></p> <p>1. Nguyên tắc chuyển giao:</p>	<p><b>Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</b>  <b>Điều 40. Hình thức xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước</b></p> <p>1. Thu hồi.  2. Điều chuyển.</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>

	<p>a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển giao cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quyền quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>b) Tài sản công được xem xét chuyển giao là tài sản do Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã quản lý.</p> <p>c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý tài sản công xem xét chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo quy định của pháp luật.</p> <p>d) Tổ chức, đơn vị được giao quản lý tài sản công xem xét chuyển giao một số công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để làm trụ sở, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.</p> <p>đ) Các tài sản được chuyển giao này là tài sản chung của tổ hợp tác, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>2. Quy trình đề xuất hỗ trợ và chuyển giao:</p> <p>a) Thực hiện quy trình đề xuất nhu cầu hỗ trợ tại khoản 1, 2 Điều 17 của Nghị định này;</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định chuyển giao tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao không phù hợp.</p> <p>3. Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản công gồm:</p> <p>a) Cơ quan nhà nước có tài sản chuyển giao;</p> <p>b) Tổ chức được nhận tài sản chuyển giao;</p>	<p>3. Bán.</p> <p>4. Sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao.</p> <p>5. Thanh lý.</p> <p>6. Tiêu hủy.</p> <p>7. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.</p> <p>8. Hình thức khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 75. Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan nhà nước.</li> <li>2. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.</li> <li>3. Đơn vị sự nghiệp công lập.</li> <li>4. Doanh nghiệp.</li> <li>5. Đối tượng khác theo quy định của pháp luật có liên quan.</li> </ol> <p><b>Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017</b></p> <p>Điều 21. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công</p> <p>1. Khi có tài sản cần điều chuyển, cơ quan nhà nước có tài sản lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền điều chuyển tài sản theo quy định tại Điều 20 Nghị định này xem xét, quyết định.</p> <p>Hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản: 01 bản chính;</li> <li>b) Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản chính;</li> <li>c) Văn bản đề nghị điều chuyển, tiếp nhận tài sản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</li> </ol>	
--	--	--	--

	<p>c) Danh mục tài sản chuyển giao (chủng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng sau khi chuyển giao trong trường hợp việc chuyển giao gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản; lý do chuyển giao);</p> <p>d) Thời hạn chuyển giao;</p> <p>đ) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có tài sản chuyển giao và tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm:</p> <p>a) Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);</p> <p>b) Thực hiện hạch toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành.</p> <p>5. Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc chuyển giao, tiếp nhận tài sản do đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.</p>	<p>d) Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản; lý do điều chuyển): 01 bản chính;</p> <p>đ) Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển tài sản (nếu có): 01 bản sao.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền điều chuyển tài sản theo quy định tại Điều 20 Nghị định này quyết định điều chuyển tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển không phù hợp. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thẩm định về đề nghị điều chuyển tài sản trong trường hợp việc điều chuyển tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>Trường hợp việc điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</p> <p>Trường hợp việc điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định này, trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan,</p>	
--	--	---	--

			<p>Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</p> <p>Trường hợp việc điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định về đề nghị điều chuyển tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.</p> <p>3. Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản công gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Cơ quan nhà nước có tài sản điều chuyển;</li> <li>b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được nhận tài sản điều chuyển;</li> <li>c) Danh mục tài sản điều chuyển (chủng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản; lý do điều chuyển);</li> <li>d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.</li> </ul> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị được nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định này;</li> <li>b) Thực hiện hạch toán giám, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành;</li> <li>c) Thực hiện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật; báo cáo kê khai biến</li> </ul>	
--	--	--	---	--

			<p>động tài sản theo quy định tại Điều 126, Điều 127 Nghị định này.</p> <p>5. Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.</p>	
		<p><b>Điều 15. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro</b></p> <p>1. Đối tượng hỗ trợ:</p> <p>a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>b) Tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.</p> <p>2. Nội dung hỗ trợ:</p> <p>a) Hỗ trợ kinh phí thuê tổ chức kiểm toán độc lập trong trường hợp hợp tác xã quy mô siêu nhỏ và nhỏ có nhu cầu Nhà nước hỗ trợ với kinh phí hỗ trợ từ ba (03) tỷ đồng trở lên;</p> <p>b) Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong việc thực hiện: đánh giá rủi ro, tư vấn tài chính; tư vấn kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông qua đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với cấp quản lý ngân sách.</p> <p>3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều này;</p> <p>b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, ngành, ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ quản thực hiện chính sách xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với</p>	<p><b>Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ</b></p> <p><b>Điều 4. Mục tiêu của kiểm toán nội bộ</b></p> <p>Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về các nội dung sau đây:</p> <p>1. Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của đơn vị.</p> <p>2. Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của đơn vị đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.</p> <p>3. Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà đơn vị đạt được.</p> <p><b>Điều 15. Thực hiện kế hoạch kiểm toán</b></p> <p>1. Đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và các cuộc kiểm toán đột xuất theo quy định.</p> <p>2. Phạm vi, chu kỳ và phương pháp kiểm toán, quy trình kiểm toán phải đảm bảo kết quả kiểm toán phản ánh đúng thực trạng các nội dung được kiểm toán.</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>

	<p>định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ.</p> <p><b>Điều 17. Quy trình hỗ trợ</b></p> <p>1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi 01 bộ Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác có địa chỉ giao dịch, nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.</p> <p>2. Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ bao gồm:</p> <p>a) Đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo Biểu mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Tài liệu, hồ sơ liên quan chứng minh sự phù hợp các tiêu chí, điều kiện thụ hưởng theo quy định tại theo Điều 6 Nghị định này. Tài liệu, hồ sơ liên quan này là bản sao hoặc bản chụp từ bản gốc, bản chính;</p> <p>c) Đối với hỗ trợ về đầu tư kết cấu hạ tầng, trang thiết bị cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cần có Biên bản họp có chữ ký cùng nhất trí của 100% thành viên tổ hợp tác, Nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Nghị quyết của Đại hội thành viên đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức theo tổ chức quản trị rút gọn.</p> <p>3. Nộp hồ sơ:</p> <p>a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử;</p> <p>b) Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ qua môi trường điện tử, việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục</p>	<p>Phù hợp với Luật HTX 2023 và tinh thần của Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.</p> <p>Cơ chế đề xuất hỗ trợ thực hiện theo pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.</p> <p><b>Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử</b></p> <p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Môi trường điện tử: là môi trường trong đó thông tin được tạo lập, cung cấp, trao đổi, thu thập, xử lý, lưu trữ thông qua mạng Internet, mạng máy tính, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.</p> <p>2. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử: là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành toàn bộ hoặc một số bước thực hiện thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc bằng phương tiện điện tử thông qua các dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>3. Hồ sơ điện tử thực hiện thủ tục hành chính: là những loại giấy tờ, tài liệu ở dạng điện tử được tổ chức, cá</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>
--	---	--	----------------------------------

	<p>hành chính trên môi trường điện tử (hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có).</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp xã:</p> <p>a) Chậm nhất sau 10 ngày kể từ khi nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về việc tiếp nhận hồ sơ theo Biểu mẫu số 02 ban hành tại Phụ lục kèm theo;</p> <p>b) Trước 31 tháng 5 hằng năm (hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), tổng hợp nhu cầu của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp chung, làm căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét và hỗ trợ;</p> <p>c) Trường hợp cấp xã có khả năng và nguồn lực hỗ trợ, ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, thực hiện trực tiếp việc hỗ trợ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền;</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:</p> <p>a) Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã từ ủy ban nhân dân cấp xã;</p> <p>b) Cung cấp cho các cơ quan, đơn vị có khả năng, thẩm quyền hỗ trợ khi có yêu cầu hoặc trước ngày 30 tháng 6 hằng năm báo cáo ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ;</p> <p>c) Trường hợp có khả năng và nguồn lực, ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thực hiện trực tiếp việc hỗ trợ cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nằm trên địa bàn theo thẩm quyền.</p> <p>6. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt quyết định đầu tư, bản giao dự án hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư công, ngân sách</p>	<p>nhân thực hiện thủ tục hành chính nộp, bổ sung cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định hoặc giấy tờ, tài liệu ở dạng điện tử được luân chuyển giữa các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p><b>Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Dân chủ</b></p> <p><b>Điều 17. Tổ chức của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng</b></p> <p>1. Thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án được bầu tại cuộc họp của cộng đồng dân cư.</p> <p>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đề nghị cử và hướng dẫn tổ chức việc bầu bổ sung thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong trường hợp khuyết, thiếu.</p> <p>Việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu, cho thôi làm thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.</p> <p>2. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.</p> <p>Đối với số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định nhưng không quá 05 người.</p>	
--	---	---	--

	<p>nhà nước, các quy định khác có liên quan và các quy định sau:</p> <p>a) Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt đầu tư phải bao gồm văn bản của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thống nhất về nội dung hỗ trợ liên quan đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó.</p> <p>b) Thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng: Ngoài thành phần theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Dân chủ ở cơ sở phải bổ sung tối thiểu hai (02) thành viên đại diện tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ;</p> <p>c) Hồ sơ bàn giao hạ tầng, trang thiết bị sau đầu tư phải bao gồm văn bản chấp thuận tiếp nhận của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>d) Đối với dự án tổng thể hỗ trợ kinh tế tập thể cấp tỉnh có sử dụng vốn ngân sách trung ương: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.</p> <p>7. Việc lập dự toán kinh phí và thực hiện các nội dung hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.</p> <p>8. Quy trình hỗ trợ đối với đối tượng là cơ quan nhà nước, tổ chức, hội, đoàn thể được giao nhiệm vụ; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức nêu trên hỗ trợ theo chính sách tại Điều 7, Điều 9 và Điều 15 Nghị định này: Thực hiện theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và các quy định khác có liên quan.</p> <p>8. Hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp</p>	<p>3. Số lượng Phó Trưởng Ban do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định căn cứ vào số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng nhưng không quá 02 người.</p>	
--	---	--	--



		<p>tác xã theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p> <p>10. Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo hỗ trợ của nhà nước, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trách nhiệm cập nhật thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã. Nội dung thông tin chi tiết được thực hiện theo quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.</p> <p>11. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>12. Khi cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoạt động hỗ trợ phát hiện thông tin tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cung cấp không trung thực, vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 1 Điều 6 thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được lựa chọn thụ hưởng chính sách sẽ bị dừng thực hiện chính sách và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>		
4	<p>Chương IV Tài sản, tài chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</p>	<p><b>Điều 18. Điều kiện thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</b></p> <p>Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp nhằm mục tiêu hỗ trợ hoạt động, liên kết, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được thành lập, góp vốn, mua cổ phần liên quan đến ngành nghề sản xuất, kinh doanh của hợp</p>	<p><b>Bộ luật Dân sự</b> <b>Điều 74. Pháp nhân</b></p> <p>2. Mọi cá nhân, pháp nhân đều có quyền thành lập pháp nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác.</p> <p><b>Luật Doanh nghiệp</b></p> <p>Không có quy định cấm các HTX, LHHTX được góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp.</p> <p><b>Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp</b> – Không có mâu thuẫn.</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>

	<p>tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Việc quản lý nguồn vốn thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần tham gia doanh nghiệp phải được Đại hội thành viên thông qua phù hợp với quy định của Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Việc quản lý, sử dụng nguồn thu nhập thu được từ doanh nghiệp được thành lập, góp vốn, mua cổ phần phải được Đại hội thành viên thông qua, trong đó nêu rõ tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia từ nguồn thu nhập này phù hợp với quy định của Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan.</p>		
	<p><b>Điều 19. Hoạt động cho vay nội bộ trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</b></p> <p>1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện hoạt động cho vay nội bộ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Nguồn vốn cho vay nội bộ bao gồm: Thu nhập còn lại sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế, tài chính khác, xử lý lỗ, trích lập các quỹ và phân phối cho thành viên theo quy định của Luật Hợp tác xã, vốn điều lệ, các nguồn vốn chủ sở hữu khác nhưng tối đa bằng 30% (ba mươi phần trăm) số vốn chủ sở hữu được xác định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 và được ghi tại báo cáo tài chính năm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi cơ quan quản lý thuế;</p> <p>b) Việc cho vay nội bộ phải được Đại hội thành viên thông qua, trong đó bao gồm các nội dung chính: quản lý, kiểm tra việc cho vay nội bộ; biện pháp xử lý rủi ro khi xảy ra thiệt hại trong các trường hợp do nguyên nhân khách quan (bao gồm: thiên tai, dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi; người vay vốn không có khả năng trả nợ do ốm đau, bệnh tật, chết,</p>	<p><b>Luật HTX năm 2023</b></p> <p>Điều 83. Hoạt động cho vay nội bộ trong HTX, liên hiệp HTX</p> <p>1. Cho vay nội bộ là việc HTX, liên hiệp HTX cho thành viên chính thức vay trong thời hạn không quá 12 tháng nhằm hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và đời sống trên nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm, không vì mục tiêu lợi nhuận, phải bảo toàn vốn, có hoàn trả và bù đắp đủ các khoản chi phí của hoạt động cho vay nội bộ. Hoạt động cho vay nội bộ không phải là hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.</p> <p><b>Bộ Luật dân sự</b></p> <p>Điều 611. Thời điểm, địa điểm mở thừa kế</p> <p>1. Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định tại khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này.</p> <p>2. Địa điểm mở thừa kế là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản; nếu không xác định được nơi cư</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>

	<p>mất tích mà không có di sản thừa kế hoặc có nhưng không đủ khả năng trả nợ khoản vay; Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; người vay vốn phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các nguyên nhân khác quan khác); biện pháp xử lý đền bù thiệt hại đối với các hành vi vi phạm quy định của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong hoạt động cho vay nội bộ gây tổn thất cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>c) Các điều kiện quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 83 Luật Hợp tác xã.</p> <p>2. Mức cho vay tối đa đối với một thành viên áp dụng trong từng thời kỳ do Đại hội thành viên quyết định, nhưng tối đa không quá 5% (năm phần trăm) số vốn chủ sở hữu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sử dụng để hoạt động cho vay nội bộ.</p> <p>3. Hội đồng quản trị xem xét, quyết định về thời hạn cho vay với thành viên theo mục đích vay vốn và khả năng trả nợ của thành viên, nhưng thời hạn không quá 12 tháng.</p> <p>4. Lãi suất cho vay nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay và phải niêm yết công khai mức lãi suất cho vay nội bộ.</p> <p>Lãi suất áp dụng đối với khoản nợ vay quá hạn tối đa bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất cho vay ghi trong hợp đồng cho vay nội bộ.</p> <p>5. Hội đồng quản trị và thành viên vay vốn thoả thuận kỳ hạn trả nợ gốc và lãi tiền vay theo tháng, quý, mùa</p>	<p>trú cuối cùng thì địa điểm mở thừa kế là nơi có toàn bộ di sản hoặc nơi có phần lớn di sản.</p> <p>Điều 622. Tài sản không có người nhận thừa kế Trường hợp không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng không được quyền hưởng di sản, từ chối nhận di sản thì tài sản còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà không có người nhận thừa kế thuộc về Nhà nước.</p> <p><b>Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ ban hành Nghị định về họ, họ, hội, biên, phường.</b></p> <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Những người tham gia dây họ, gồm các thành viên và chủ họ;</li> <li>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</li> </ol> <p>Điều 3. Nguyên tắc tổ chức họ</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Việc tổ chức họ phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật dân sự.</li> <li>2. Việc tổ chức họ chỉ được thực hiện nhằm mục đích tương trợ lẫn nhau giữa những người tham gia quan hệ về họ.</li> <li>3. Không được tổ chức họ để cho vay lãi nặng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, huy động vốn trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.</li> </ol>	
--	--	--	--

	<p>vụ hoặc trả nợ gốc và lãi tiền vay một lần khi đến hạn, trên cơ sở mục đích vay vốn và khả năng trả nợ của thành viên.</p> <p>6. Việc cho thành viên vay vốn có bảo đảm bằng tài sản hoặc không phải bảo đảm bằng tài sản và biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ do Hội đồng quản trị trình Đại hội thành viên quyết định tùy theo mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn vay và mức vay, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự. Biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ (nếu có) phải được ghi vào hợp đồng cho vay nội bộ.</p> <p>7. Trường hợp thành viên vay vốn chưa có khả năng trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng hạn, thì gửi giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ cho Hội đồng quản trị trước thời hạn trả nợ ít nhất 7 ngày. Hội đồng quản trị xem xét cho điều chỉnh hoặc gia hạn nợ với thời hạn tối đa bằng 12 tháng tính từ thời điểm kết thúc thời hạn cho vay.</p> <p>8. Trường hợp khoản vay không được gia hạn nợ, thì Hội đồng quản trị chuyển số dư khoản vay đó sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ vay quá hạn như đã thoả thuận trong hợp đồng cho vay nội bộ; đồng thời hợp tác xã, liên hiệp hợp tác được tiến hành các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo thoả thuận tại hợp đồng cho vay nội bộ.</p> <p>9. Kết thúc năm tài chính, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải trích tối thiểu 50% (năm mươi phần trăm) số tiền chênh lệch giữa thu lãi cho vay và chi phí thực tế của hoạt động cho vay nội bộ để làm nguồn xử lý những khoản cho vay bị thất thoát do nguyên nhân khách quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>10. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện việc</p>		
--	---	--	--

	<p>hạch toán, kế toán hoạt động cho vay nội bộ, quản lý tiền mặt theo quy định của pháp luật về kế toán đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do Bộ Tài chính quy định.</p> <p>11. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ngừng hoạt động cho vay nội bộ trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Khi có nợ quá hạn vượt quá 5% (năm phần trăm) tổng dư nợ, thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải ngừng cho vay nội bộ để có biện pháp thu hồi nợ vay quá hạn. Khi tỷ lệ nợ quá hạn dưới 5% (năm phần trăm) thì tiếp tục hoạt động cho vay nội bộ;</p> <p>b) Trong quá trình thực hiện cho vay nội bộ, nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải ngừng cho vay nội bộ cho đến khi đáp ứng đủ các điều kiện mới được tiếp tục hoạt động;</p> <p>c) Hợp đồng cho vay nội bộ đã được ký trước ngày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ngừng hoạt động cho vay nội bộ, thì các bên tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng không được gia hạn hợp đồng.</p> <p>12. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị trình Đại hội thành viên quyết định sử dụng thu nhập hàng năm để xử lý những khoản nợ vay mà thành viên không có khả năng trả được do các nguyên nhân khách quan theo quy định về biện pháp xử lý rủi ro đã được Đại hội thành viên thông qua.</p>		
	<p><b>Điều 20. Giao dịch nội bộ và thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</b></p> <p>1. Các hoạt động giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm:</p>	<p><b>Luật Hợp tác xã năm 2012</b></p> <p>Kế thừa và phù hợp với tiêu chí bản chất phục vụ thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc quy định này để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải hạch toán, kế toán riêng giao dịch bên trong và giao dịch</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>

	<p>a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự tổ chức sản xuất hoặc mua ngoài các sản phẩm, vật tư đầu vào để cung ứng cho thành viên chính thức trực tiếp sản xuất theo định hướng chung của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hoặc phục vụ nhu cầu đời sống của thành viên chính thức và hộ gia đình thành viên chính thức;</p> <p>b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trực tiếp cung cấp hoặc thuê bên khác cung cấp các dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất của thành viên chính thức theo định hướng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hoặc phục vụ nhu cầu đời sống của thành viên chính thức và hộ gia đình thành viên chính thức;</p> <p>c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm của thành viên chính thức trực tiếp sản xuất ra để tiêu thụ ngay hoặc bảo quản, đóng gói, sơ chế, chế biến rồi tiêu thụ trên thị trường;</p> <p>d) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bảo trợ cho thành viên chính thức với đơn vị cung cấp sản phẩm và dịch vụ đầu vào, thu mua nhằm tiêu thụ sản phẩm do thành viên chính thức trực tiếp làm ra thông qua xúc tiến hợp đồng giữa thành viên chính thức và đơn vị cung cấp, thu mua sản phẩm. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành viên chính thức, đơn vị cung cấp, thu mua sản phẩm trả phí cho dịch vụ bảo trợ của mình;</p> <p>đ) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức hoạt động cho vay nội bộ để hỗ trợ trang trải chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của thành viên chính thức.</p> <p>2. Thu nhập từ hoạt động giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng doanh thu của hoạt động giao dịch nội bộ trừ đi (-) chi phí liên quan trực tiếp của hoạt động giao dịch nội bộ đó.</p>	<p>bên ngoài là cơ sở để tính thuế cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p><b>Luật Kế toán</b></p> <p>Không mâu thuẫn với các quy định Luật này.</p>	
--	---	---	--

	<p><b>Điều 21. Xử lý tài sản khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản</b></p> <p>1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã rà soát, thống kê toàn bộ vốn, quỹ, tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm: toàn bộ quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Điều 84, khoản 2 Điều 88 Luật Hợp tác xã theo nguồn hình thành; các vốn, quỹ, tài sản khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>Việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản chung không chia thực hiện như đối với tài sản cố định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.</p> <p>2. Đại hội thành viên hợp thống nhất và thông qua Nghị quyết về việc xử lý quỹ chung không chia, tài sản chung không chia với một số nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Quỹ chung không chia; tên, loại tài sản chung không chia;</p> <p>b) Năm hình thành;</p> <p>c) Giá trị quỹ chung không chia, giá trị tài sản chung không chia lúc hình thành theo nguồn hình thành và tỷ lệ đóng góp theo nguồn hình thành;</p> <p>d) Giá trị hiện tại của quỹ chung không chia, tài sản chung không chia theo nguồn hình thành (giá trị còn lại sau khi tính khấu hao, định giá tài sản);</p> <p>đ) Nội dung khác (nếu cần thiết).</p> <p>3. Trường hợp quỹ chung không chia, tài sản chung không chia không còn đầy đủ hồ sơ, tài liệu để xác định nguồn gốc tài sản và tỷ lệ từng loại nguồn vốn hình thành quỹ chung không chia, tài sản chung không chia thì nguồn gốc hình thành và tỷ lệ nguồn vốn hình thành quỹ chung không chia, tài sản chung</p>	<p><b>Bộ Luật Dân sự; Luật Phá sản; Luật Đất đai; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</b></p> <p>Không có mâu thuẫn với quy định thuộc các văn bản trên.</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn</b></p>
--	--	---	----------------------------------

	<p>không chia có nguồn hình thành từ hỗ trợ của Nhà nước được xác định theo văn bản hỗ trợ được lưu của cơ quan chủ quản thực hiện chính sách hỗ trợ và xử lý theo quy định tại khoản 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều này.</p> <p>4. Đối với phân quỹ chung không chia có nguồn hình thành từ hỗ trợ của Nhà nước thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bàn giao cho Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã để chuyển vào ngân sách nhà nước cùng cấp.</p> <p>5. Đối với tài sản chung không chia quy định tại điểm b, d, e khoản 2 Điều 88 Luật Hợp tác xã và quỹ chung không chia không có nguồn hình thành từ Nhà nước hỗ trợ: hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện xử lý theo quy định của Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Luật Hợp tác xã, pháp luật có liên quan và thoả thuận với cá nhân, tổ chức tặng, cho, tài trợ hợp pháp khác (nếu có).</p> <p>6. Tài sản chung không chia quy định tại điểm a khoản 2 Điều 88 Luật Hợp tác xã được xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>7. Tài sản chung không chia quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 88 Luật Hợp tác xã được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>8. Đối với tài sản chung không chia quy định tại điểm c khoản 2 Điều 88 Luật Hợp tác xã do Nhà nước hỗ trợ toàn bộ: hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bàn giao cho Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định khoản 11 Điều này.</p> <p>9. Đối với tài sản chung không chia quy định tại điểm c khoản 2 Điều 88 Luật Hợp tác xã do Nhà nước hỗ trợ một phần: hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực</p>		
--	---	--	--



	<p>hiện công tác định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Luật Hợp tác xã và bàn giao theo quy định khoản 11 Điều này cho Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã để thực hiện chuyển nhượng, thanh lý theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Tiền thu được từ chuyển nhượng, thanh lý sau khi trừ đi các chi phí chuyển nhượng, thanh lý tài sản và nộp thuế theo quy định được trả lại cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phân giá trị tương ứng theo tỷ lệ nguồn hình thành tài sản ban đầu, phần giá trị tương ứng tỷ lệ của Nhà nước đã hỗ trợ chuyển vào ngân sách nhà nước cùng cấp.</p> <p>10. Đối với tài sản chung không chia là tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật có nguồn hình thành toàn bộ hoặc một phần từ hỗ trợ của Nhà nước được xây dựng trên đất mà quyền sử dụng đất là của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã dùng quyền sử dụng đất này làm vốn đối ứng để đầu tư tài sản chung không chia là tài sản gắn liền với đất này, khi giải thể, phá sản hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện công tác định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Luật Hợp tác xã và bàn giao tài sản chung không chia này cho Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng, thanh lý trước đối với tài sản chung không chia này.</p> <p>Nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã từ chối quyền ưu tiên, không nhận chuyển nhượng, thanh lý tài sản chung không chia này thì Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã thực hiện chuyển nhượng, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.</p>		
--	--	--	--

	<p>Tiền thu được từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản chung không chia sau khi trừ đi các chi phí chuyển nhượng, thanh lý tài sản và nộp thuế theo quy định được trả lại cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phân giá trị tương ứng theo tỷ lệ nguồn hình thành tài sản ban đầu, phân giá trị tương ứng tỷ lệ của Nhà nước đã hỗ trợ chuyển vào ngân sách nhà nước cùng cấp.</p> <p>11. Hồ sơ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bàn giao quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Điều này cho Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã bao gồm:</p> <p>a) Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc bàn giao quỹ chung không chia, tài sản chung không chia;</p> <p>b) Hồ sơ, giấy tờ của quỹ chung không chia, tài sản chung không chia chứng minh nguồn gốc hình thành của quỹ chung không chia, tài sản chung không chia;</p> <p>c) Biên bản định giá tài sản chung không chia do tổ chức thẩm định giá định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Luật Hợp tác xã trong trường hợp định giá tài sản.</p> <p>12. Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã tiếp nhận hồ sơ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:</p> <p>a) Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tiến hành thành lập Hội đồng tiếp nhận bàn giao quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thành phần Hội đồng tiếp nhận bàn giao do Ủy ban nhân dân quyết định;</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc, có ý kiến bằng văn bản yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung hồ sơ. Thời</p>		
--	---	--	--

	<p>hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung hồ sơ là 03 ngày làm việc;</p> <p>c) Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không nộp hồ sơ hoặc không bổ sung hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã xác định giá trị và tỷ lệ phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo các tài liệu lưu trữ của cơ quan chủ quản thực hiện chính sách đã thông báo cho Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>d) Việc tiếp nhận quỹ chung không chia, tài sản chung không chia được bàn giao từ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>đ) Công bố công khai trong 30 ngày về thông tin tiếp nhận quỹ chung không chia, tài sản chung không chia được bàn giao từ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã và Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã;</p> <p>e) Hết thời hạn công bố quy định tại điểm đ khoản này, nếu không có khiếu nại, vướng mắc thì thực hiện việc thu hồi quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong vòng 30 ngày và ra quyết định về việc thu hồi quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đồng thời gửi yêu cầu tới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cử người tham gia Hội đồng thanh lý tài sản chung không chia.</p> <p>Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định về việc thu hồi quỹ chung không chia, tài sản chung không chia, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cử người</p>		
--	---	--	--

	<p>tham gia Hội đồng thanh lý tài sản chung không chia;</p> <p>g) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định cử người tham gia Hội đồng thanh lý tài sản chung không chia, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã thành lập Hội đồng thanh lý tài sản chung không chia trong đó có thành viên là đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để chuyển nhượng hoặc thanh lý tài sản chung không chia này; thanh lý tài sản thực hiện trong trường hợp tài sản đã hết khấu hao, lạc hậu, bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả.</p> <p>Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không cử người tham gia Hội đồng thanh lý tài sản chung không chia, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã thành lập Hội đồng thanh lý tài sản chung không chia mà không cần có thành viên là đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để chuyển nhượng hoặc thanh lý tài sản chung không chia này;</p> <p>h) Sau khi thực hiện chuyển nhượng, thanh lý tài sản, trong vòng 05 ngày làm việc, Hội đồng thanh lý tài sản chung không chia báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản, trong đó xác định chi phí chuyển nhượng, thanh lý (bao gồm chi phí kiểm kê, định giá tài sản, chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản và các chi phí khác có liên quan) về Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hợp tác xã để làm căn cứ xử lý khoản tiền thu từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản theo quy định;</p> <p>13. Đối với vốn, quỹ, tài sản khác không phải là quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Đại hội thành viên hợp</p>		
--	--	--	--

		thống nhất và thông qua Nghị quyết về việc xử lý vốn, quỹ, tài sản này theo quy định của Điều lệ phù hợp với quy định của Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan.		
5	Chương V Tổ chức thực hiện	<p><b>Điều 22. Trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ</b></p> <p>1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</p> <p>a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển kinh tế tập thể phù hợp với mỗi thời kỳ 05 năm theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn để thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi được quy định tại Nghị định này;</p> <p>b) Chủ trì tổng hợp nhu cầu, phối hợp với Bộ Tài chính đề xuất phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các chính sách hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Nghị định này và Luật Ngân sách nhà nước;</p> <p>c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn trung hạn và hàng năm thực hiện các dự án đầu tư công tại các chính sách hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Nghị định này và Luật Đầu tư công;</p> <p>d) Xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.</p> <p>2. Bộ Tài chính:</p> <p>a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn sự nghiệp hằng năm nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chính sách hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định</p>	<p>- Nhiệm vụ giao các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.</p> <p><b>- Luật Tổ chức Chính phủ</b> Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ</p> <p>10. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.</p> <p><b>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương</b> Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>10. Tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật;</p> <p>Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy</p>	<b>Không có mâu thuẫn</b>

	<p>của Nghị định này và Luật Ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp để thực hiện các chính sách hỗ trợ.</p> <p>3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình:</p> <p>a) Căn cứ vào khả năng cân đối nguồn lực, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hằng năm và trung hạn thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hằng năm và trung hạn;</p> <p>b) Chủ động bố trí dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm và trung hạn để thực hiện hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;</p> <p>c) Thực hiện công khai thông tin hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên trang thông tin điện tử của mình; cung cấp, cập nhật thông tin về hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã theo quy định tại khoản 5 Điều 113 Luật Hợp tác xã;</p> <p>d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về tình hình triển khai nội dung, đề án, chương trình, kế hoạch hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.</p> <p><b>Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</b></p> <p>1. Ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình phát triển kinh tế tập thể phù hợp với đặc thù của địa phương, không trái với quy định của Luật Hợp tác xã, Nghị định này và chương</p>	<p>ban nhân dân huyện</p> <p>8. Tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật;</p> <p><b>Luật HTX năm 2023</b></p> <p>Điều 113. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước</p> <p>3. Bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền, thực hiện các biện pháp về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.</p>	
--	--	--	--

		<p>trình phát triển kinh tế tập thể do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo thời kỳ 05 năm; trong đó bố trí một khoản kinh phí nhất định để thực hiện các chính sách hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn;</p> <p>2. Thực hiện công khai thông tin hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên trang thông tin điện tử của địa phương; cung cấp, cập nhật thông tin về hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã theo quy định tại khoản 5 Điều 113 Luật Hợp tác xã;</p> <p>3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về tình hình triển khai nội dung, đề án, chương trình, kế hoạch hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn.</p>		
6	Chương VI Điều khoản thi hành	<p><b>Điều 24. Hiệu lực thi hành và quy định chuyên tiếp</b></p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.</p> <p>2. Bãi bỏ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012.</p> <p>3. Bãi bỏ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012.</p> <p>4. Trong thời gian Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã chưa vận hành, việc báo cáo, cung cấp, cập nhật trên Hệ thống này được thực hiện thông qua các hình thức văn bản giấy hoặc gửi thư điện tử đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định</p>	<p><b>Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012 – Bãi bỏ</b></p> <p><b>Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012 – Bãi bỏ</b></p> <p><b>Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác</b></p> <p><b>Bãi bỏ các điều, khoản sau:</b></p> <p>Điều 3. Giải thích từ ngữ (khoản 1, 3)</p> <p>Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Tổ hợp tác là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác, gồm từ 02 cá nhân, pháp nhân trở lên tự nguyện thành lập,</p>	<p><b>Không có mâu thuẫn.</b></p> <p>Sau ngày 01/07/2024 sẽ:</p> <p><b>(1) Bãi bỏ</b></p> <p>NĐ số 193/2013/NĐ-CP; NĐ số 107/2017/NĐ-CP; khoản 1 và 3 Điều 3, Điều 4, khoản 6 Điều 29 của NĐ số</p>

	<p>tại Nghị định này.</p> <p>5. Các chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.</p> <p>6. Bãi bỏ các điều khoản sau: khoản 1 và 3 Điều 3, Điều 4, khoản 6 Điều 29 của Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.</p> <p>7. Sửa đổi một số điều, khoản tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 về tổ hợp tác như sau:</p> <p>a) Điều 5 Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về quyền của tổ hợp tác được sửa đổi như sau:  “1. Tổ hợp tác có các quyền theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ và g khoản 3 Điều 107 Luật Hợp tác xã.  2. Tổ hợp tác được xem xét hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 18 Luật Hợp tác xã và khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 6 Nghị định này.”.</p> <p>b) Điều 6 Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về nghĩa vụ của tổ hợp tác được sửa đổi như sau:  “1. Tổ hợp tác có các nghĩa vụ theo quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều 107 Luật Hợp tác xã.  2. Thực hiện việc công khai thông tin sổ ghi chép về việc đóng góp của thành viên và các thông tin khác theo quy định của hợp đồng hợp tác.”.</p> <p>c) Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về xử lý tài sản chung của các thành viên tổ hợp tác, tài chính của tổ hợp tác sau khi chấm dứt hoạt động được sửa đổi như sau:  “3. Đối với các tài sản chung hình thành từ nguồn hỗ trợ của Nhà nước hoặc được tài trợ, tặng, cho hợp</p>	<p>cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.</p> <p>3. Phần đóng góp của một thành viên tổ hợp tác là giá trị vốn góp bằng tài sản, công sức (hoạt động hay công việc cụ thể) của thành viên đó đã đóng góp hoặc cam kết đóng góp vào tổ hợp tác. Việc xác định giá trị phần đóng góp của thành viên tổ hợp tác được thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này.</p> <p>Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ hợp tác hoạt động trên cơ sở hợp đồng hợp tác.</li> <li>2. Cá nhân, pháp nhân tự nguyện thành lập, gia nhập và rút khỏi tổ hợp tác.</li> <li>3. Thành viên tổ hợp tác có quyền dân chủ, bình đẳng trong việc quyết định tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác. Quyết định theo đa số trừ trường hợp hợp đồng hợp tác, Bộ luật dân sự và pháp luật có liên quan quy định khác.</li> <li>4. Cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.</li> </ol> <p>Điều 29. Chế độ báo cáo định kỳ và quản lý nhà nước về tổ hợp tác (khoản 6)</p> <p>6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách thúc đẩy phát triển cho tổ hợp tác trong chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p><b>Sửa các điều, khoản sau:</b></p> <p>Điều 5. Quyền của tổ hợp tác</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ hợp tác có tên riêng.</li> <li>2. Tự do hoạt động, kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; được quyền kinh doanh</li> </ol>	<p>77/2019/NĐ-CP  <b>(2) Sửa đổi:</b>  Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 15, Điều 24 của NĐ số 77/2019/NĐ-CP</p>
--	---	--	---



	<p>pháp bởi cá nhân, tổ chức khác mà theo yêu cầu của Nhà nước hoặc bên tài trợ, tặng, cho, tổ hợp tác không có quyền định đoạt phần tài sản này, thì khi chấm dứt hoạt động, tổ hợp tác thực hiện như sau:</p> <p>a) Bàn giao các tài sản chung hình thành từ nguồn hỗ trợ của Nhà nước cho Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy Chứng nhận đăng ký tổ hợp tác để xử lý theo quy trình xử lý quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác có nguồn hình thành từ hỗ trợ của Nhà nước quy định tại Điều 20 Nghị định này và phải được ghi vào hợp đồng hợp tác;</p> <p>b) Trường hợp tổ hợp tác có tài sản chung hình thành từ nguồn hỗ trợ của Nhà nước trước ngày Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 có hiệu lực thi hành, tổ hợp tác bàn giao các tài sản chung hình thành từ nguồn hỗ trợ của Nhà nước cho Ủy ban nhân cấp huyện nơi có địa chỉ giao dịch của tổ hợp tác để xử lý theo quy trình xử lý quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác có nguồn hình thành từ hỗ trợ của Nhà nước quy định tại Điều 22 Nghị định này;</p> <p>c) Các tài sản chung được tài trợ, tặng, cho hợp pháp bởi cá nhân, tổ chức khác được xử lý theo thỏa thuận giữa cá nhân, tổ chức tài trợ, tặng, cho với tổ hợp tác và phải được ghi vào hợp đồng hợp tác.”</p> <p>d) Điều 24 Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về phần đóng góp của thành viên tổ hợp tác được sửa đổi như sau:</p> <p>“1. Phần đóng góp của một thành viên tổ hợp tác gồm phần vốn góp theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Luật Hợp tác xã và mức độ góp sức lao động theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật Hợp tác xã của thành viên</p>	<p>ngành, nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Hợp tác kinh doanh với tổ chức, cá nhân để mở rộng hoạt động, sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thực hiện mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Xác lập và thực hiện các giao dịch dân sự theo quy định của Nghị định này, Điều 508 của Bộ luật dân sự và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>6. Được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước như các hợp tác xã.</p> <p>7. Quyền khác theo quy định của hợp đồng hợp tác, Bộ luật dân sự và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Điều 6. Nghĩa vụ của tổ hợp tác</p> <p>1. Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tổ chức, cá nhân khác và thành viên.</p> <p>2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ đối với nhà nước, người lao động, tổ chức, cá nhân khác và thành viên.</p> <p>3. Thực hiện các quy định của hợp đồng hợp tác, Bộ luật dân sự và pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 15. Xử lý tài sản chung của các thành viên tổ hợp tác, tài chính của tổ hợp tác sau khi chấm dứt hoạt động (khoản 3)</p> <p>3. Đối với các tài sản hình thành từ nguồn hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước hoặc được tặng, cho bởi cá nhân, tổ chức khác mà theo yêu cầu của Nhà nước hoặc bên tặng, cho, tổ hợp tác không có quyền định đoạt phần tài sản này, thì khi chấm dứt hoạt động, tổ hợp tác phải bàn giao cho Ủy ban nhân cấp xã nơi tổ hợp tác hoạt động hoặc cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo</p>	
--	---	---	--

	<p>đó đã đóng góp hoặc cam kết đóng góp vào tổ hợp tác.</p> <p>2. Việc xác định phần vốn góp và mức độ góp sức lao động của thành viên tổ hợp tác góp vào tổ hợp tác do các thành viên tổ hợp tác tự thỏa thuận hoặc do bên thứ ba xác định theo sự ủy quyền của một trăm phần trăm (100%) tổng số thành viên tổ hợp tác.</p> <p>3. Trường hợp thành viên tổ hợp tác cam kết đóng góp không góp đủ và không đúng hạn phần đóng góp đã cam kết thì xử lý theo quy định tại Hợp đồng hợp tác và quy định của pháp luật dân sự.”</p> <p><b>Điều 25. Trách nhiệm thi hành</b></p> <p>1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thi hành Nghị định này.</p> <p>2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	<p>quy định của pháp luật và phải được ghi vào hợp đồng hợp tác, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p> <p>Điều 24. Phần đóng góp của thành viên tổ hợp tác</p> <p>1. Các thành viên tổ hợp tác có thể đóng góp bằng tài sản, công sức vào tổ hợp tác tùy theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác. Việc xác định giá trị tài sản và công sức của thành viên tổ hợp tác góp vào tổ hợp tác do các thành viên tổ hợp tác tự thỏa thuận hoặc do bên thứ ba xác định theo sự ủy quyền của một trăm phần trăm (100%) tổng số thành viên tổ hợp tác.</p> <p>2. Trường hợp thành viên tổ hợp tác cam kết đóng góp không góp đủ và không đúng hạn phần đóng góp đã cam kết thì xử lý theo quy định từ Điều 351 đến Điều 364 của Bộ luật dân sự.</p>	
--	--	--	--